

Số: **4035** /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **04** tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
Ngành Kinh tế học - Mã ngành: 8310101**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing; Nghị quyết số 204/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Điều 12 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông báo số 4224/TB-ĐHTCM-QLĐT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing kết luận tại phiên họp Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 28 tháng 11 năm 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế học, gồm chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và chương trình đào tạo định hướng ứng dụng – Mã ngành: 8310101.



Điều 2. Các chương trình đào tạo quy định tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Viện trưởng Viện Kinh tế chính trị quốc tế, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học và Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*21*

Nơi nhận:

- PHT phụ trách đào tạo;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (02b).



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: KINH TẾ HỌC**

Định hướng ứng dụng

Thành phố Hồ Chí Minh, 2025

MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. CĂN CỨ XÂY DỰNG.....	1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
3. THÔNG TIN CHUNG.....	2
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	2
4.1. Mục tiêu chung	3
4.2. Mục tiêu cụ thể	3
5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs).....	4
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA.....	4
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:.....	5
7.1. Quy trình đào tạo:	5
7.2. Địa điểm đào tạo:	5
8. TUYỂN SINH:	6
9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:	7
10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	8
11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CĐR CỦA CTĐT	8
12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC	11
13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	14
14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	14
B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	16
C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO	29
1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy.....	30
2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác	31
3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT	30
4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp	35
5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng.....	36
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo).....	36
E. PHỤ LỤC.....	37

Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	37
Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CDR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	37
Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Kinh tế học với chương trình đào tạo của các trường khác	38

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4035/QĐ-ĐHTCM ngày 04 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình độ, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022 /TT-BGDĐT.

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ kết quả khảo sát các bên liên quan về năng lực người học sau tốt nghiệp và nội dung chương trình đào tạo ngành Kinh tế học trình độ thạc sĩ.

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Kinh tế học theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của

các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học, và phù hợp với mục tiêu chiến lược, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 9 tín chỉ đề án tốt nghiệp.

Đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình được thông qua.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Kinh tế học

3.2. Trình độ: thạc sĩ

3.3. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

3.4. Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ

3.5. Mã ngành đào tạo: 8310101

3.6. Thời gian đào tạo: 2 năm

3.7. Loại hình đào tạo: chính quy

3.8. Số tín chỉ yêu cầu: 61

3.9. Khoa quản lý: Viện Kinh tế Chính trị Quốc tế

3.10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

3.11. Chứng nhận chất lượng:

3.12. Website:

3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học, định hướng ứng dụng - Đại học Quốc Gia TP.HCM – Đại học Kinh tế - Luật, Việt Nam.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học định hướng ứng dụng – Trường Đại học Mở TP. HCM.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học định hướng ứng dụng – Đại học Kinh tế quốc dân.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học, định hướng ứng dụng - Đại học Cần Thơ.

3.14. Năm xây dựng chương trình: 2025

3.15. Vị trí việc làm:

Người học tốt nghiệp chương trình thạc sĩ Kinh tế học định hướng ứng dụng có thể đảm nhiệm các vị trí sau:

1) Giảng dạy, tư vấn và phân tích chính sách, hoạch định và triển khai chiến lược kinh tế; các vị trí chuyên viên, quản lý cấp trung và cấp cao tại cơ quan quản lý Nhà nước, viện nghiên cứu, trung tâm tư vấn, trường đại học và các tổ chức kinh tế – xã hội.

2) Chuyên gia tư vấn, phân tích và hoạch định chiến lược tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước; tham gia thiết kế, đánh giá và thực thi các giải pháp kinh tế – quản trị theo yêu cầu thực tiễn.

3) Khởi nghiệp và tạo lập doanh nghiệp, tìm kiếm và phát triển cơ hội kinh doanh trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số; vận dụng tư duy sáng tạo và năng lực ứng dụng kinh tế học vào thực tiễn.

4) Tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn hoặc tham gia các chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nhằm phát triển nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học định hướng ứng dụng của Trường Đại học Tài chính – Marketing nhằm trang bị cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, cùng hệ thống kiến thức chuyên sâu và cập nhật về kinh tế học và các mô hình kinh tế hiện đại. Chương trình tập trung phát triển năng lực vận dụng các công cụ phân tích kinh tế – xã hội, phương pháp xử lý dữ liệu và kỹ thuật đánh giá để giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế, thị trường và doanh nghiệp. Người học được rèn luyện kỹ năng phân tích, tư vấn và đánh giá chính sách, năng lực ra quyết định và đề xuất giải pháp hiệu quả dựa trên bằng chứng và tiếp cận liên ngành, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế – xã hội. Đồng thời, chương trình bồi dưỡng tư duy đổi mới, năng lực nghiên cứu ứng dụng và khả năng học tập suốt đời theo định hướng sáng tạo, khác biệt, hiệu quả và bền vững, tạo nền tảng cho người học phát triển nghề nghiệp hoặc tiếp tục học tập ở trình độ tiến sĩ khi có nhu cầu.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức

- **PO1:** Trang bị hệ thống kiến thức chuyên sâu, hiện đại về kinh tế học, giúp người học phát triển tư duy kinh tế và năng lực đảm nhiệm vai trò chuyên gia, tư vấn hoặc nhà quản lý trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội.

- **PO2:** Vận dụng hiệu quả kiến thức đã học vào thực tiễn; phát triển tư duy phản biện và năng lực giải quyết các vấn đề, tình huống kinh tế – xã hội trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

❖ Về kỹ năng:

- **PO3:** Hình thành và phát triển các kỹ năng cốt lõi trong kinh tế học, bao gồm: phân tích kinh tế, lập kế hoạch, hoạch định và tổ chức thực thi chiến lược, cùng kỹ năng tư vấn và đánh giá chính sách kinh tế.

- **PO4:** Nâng cao kỹ năng tư duy phản biện, nghiên cứu ứng dụng, tổng hợp và cập nhật tri thức; phân tích, phản biện và đánh giá hiệu quả các chính sách kinh tế trong thực

tiền.

- **PO5:** Phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế, doanh nghiệp và chính sách công, bảo đảm khả năng ứng dụng trực tiếp vào công việc.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

- **PO6:** Có khả năng tự chủ, tự tin và thích ứng với bối cảnh thay đổi; phối hợp hiệu quả với các đối tác và bên liên quan để đạt được mục tiêu công việc.

- **PO7:** Có năng lực tự định hướng nghề nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc đa dạng; chủ động học tập, tích lũy kinh nghiệm và cải thiện năng lực chuyên môn theo tinh thần sáng tạo, khác biệt, hiệu quả và bền vững.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Kinh tế học được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

❖ *Về kiến thức:*

- **PLO1:** Vận dụng kiến thức cốt lõi và chuyên sâu về kinh tế học và quản lý để giải thích và xử lý các vấn đề kinh tế – xã hội trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số tại cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

- **PLO2:** Đánh giá tác động của chính sách kinh tế và hoạt động quản lý kinh tế dựa trên tổng hợp lý thuyết, mô hình và bằng chứng thực nghiệm nhằm hỗ trợ ra quyết định theo tiếp cận dựa trên bằng chứng.

- **PLO3:** Phân tích và so sánh hiệu quả chính sách, chương trình và hoạt động quản lý kinh tế ở các cấp độ ngành, vùng và quốc gia nhằm xác định lựa chọn tối ưu và phù hợp với mục tiêu phát triển

- **PLO4:** Vận dụng sáng tạo tư duy phản biện và bằng chứng dữ liệu để đề xuất các giải pháp kinh tế – chính sách có tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

❖ *Về kỹ năng:*

- **PLO5:** Vận dụng kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức thực thi chiến lược, chương trình và chính sách quản lý kinh tế nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của tổ chức, ngành hoặc địa phương.

- **PLO6:** Đánh giá và vận dụng thành thạo các công cụ thống kê, kỹ thuật phân tích định tính – định lượng và phương pháp phân tích kinh tế hiện đại để xử lý, phân tích và giải quyết vấn đề kinh tế thực tiễn.

- **PLO7:** Phân tích và so sánh các vấn đề kinh tế – xã hội phức tạp dựa trên dữ liệu, bằng chứng thực nghiệm và tiếp cận liên ngành để đề xuất giải pháp tối ưu và khả thi.

- **PLO8:** Vận dụng sáng tạo các phương pháp đánh giá và cải tiến để nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế, tạo giá trị và thúc đẩy phát triển bền vững trong tổ chức và xã hội.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

- **PLO9:** Đánh giá, đề xuất và triển khai các sáng kiến đổi mới trong lĩnh vực kinh tế và quản lý trên cơ sở phân tích bằng chứng, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với mục tiêu phát triển của tổ chức.

- **PLO10:** Thể hiện năng lực tự định hướng, thích ứng và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, pháp luật và trách nhiệm xã hội trong thực hành kinh tế; chủ động học tập và phát triển nghề nghiệp theo tinh thần sáng tạo – khác biệt – hiệu quả – bền vững.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

TT	Định hướng ứng dụng		
	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Khối kiến chung	7	11,5
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	45	73,8
3	Tốt nghiệp	9	14,7
	Tổng	61	100

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

7.1. Quy trình đào tạo:

- Quy trình đào tạo được theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và pháp luật của quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

7.2. Địa điểm đào tạo:

- Tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 23/2021/BGDĐT ban hành ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm

chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): không

7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bằng điểm:

a) Điều kiện tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

b) Cấp bằng, cấp bằng điểm

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. TUYỂN SINH:

8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing trên cơ sở năng lực đào tạo của Trường đối với trình độ thạc sĩ Ngành Kinh tế học.

8.2. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể 2 học phần:

+ Kinh tế học;

+ Quản trị học.

Lưu ý: Nếu bằng điểm trình độ đại học của người dự tuyển không có học phần Kinh tế học, mà có 2 học phần Kinh tế học vi mô và Kinh tế học vĩ mô thì điểm xét tuyển môn Kinh tế học là trung bình cộng điểm của 2 học phần nói trên. Trường hợp người dự tuyển tốt nghiệp đại học hệ liên thông, nộp kèm bằng điểm hệ cao đẳng.

8.3. Chuẩn đầu vào:

a) Yêu cầu về văn bằng :

Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, cụ thể:

- Nhóm 1: Ngành Kinh tế học
- Nhóm 2: Các ngành đào tạo ở cùng nhóm với ngành Kinh tế học theo phân loại trong Danh mục mã ngành có mã nhóm ngành là 73101. Cụ thể: Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Quản lý kinh tế
- Nhóm 3: Không thuộc Nhóm 1 và Nhóm 2 nhưng có liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ chuyên môn của ứng viên như Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế Nông nghiệp, Kinh tế hộ gia đình...
- Nhóm 4: Các trường hợp đặc biệt khác liên quan đến kinh tế.

Có chứng chỉ bổ sung kiến thức theo quy định tại **Mục 8.5**.

b) *Yêu cầu thâm niên công tác*: Không

c) *Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ*:

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ. (Các học phần có dấu (*) ở Mục 10).

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- + Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường;
- + Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;
- + Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

- Nhóm 1: không bổ sung.
- Nhóm 2: bổ sung 02 học phần sau:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2
2	Kinh tế học	3
Tổng		5

- Nhóm 3: bổ sung 04 học phần sau:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2
2	Kinh tế đầu tư	2
3	Kinh tế học	3
4	Kinh tế phát triển	2
Tổng		9

- Nhóm 4: do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức. Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quyết định.

9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng Ứng dụng		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
1. Khối kiến chung				7		
1	A_KTH001	Triết học	Philosophy	4		
2	A_KTH002	Phương pháp nghiên cứu khoa học (*)	Research Methods	3		
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				45		
2.1	Kiến thức bắt buộc			30		
3	A_KTH003	Kinh tế vi mô nâng cao (*)	Advanced microeconomics	3		
4	A_KTH004	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Advanced macroeconomics	3		
5	A_KTH005	Kinh tế học khu vực công	Public economics	3		
6	A_KTH006	Pháp luật kinh tế (*)	Economic law	3		
7	A_KTH007	Kinh tế nguồn nhân lực (*)	Human resoure economics	3		

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng Ứng dụng		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
8	A_KTH008	Kinh tế phát triển nâng cao	Advanced development Economics	3		
9	A_KTH009	Marketing địa phương	Local marketing	3		
10	A_KTH010	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao (*)	Advanced economic and business data analytics	3		
11	A_KTH011	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	Economic analysis, forecasting and monitoring	3		
12	A_KTH012	Chuyên đề thực tế 1	Practical topics 1	3		3
2.2 Kiến thức chuyên ngành tự chọn:				15		3
Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ 5 học phần)						
<i>A Định hướng: Kinh tế đầu tư</i>						
13	A_KTH013	Kinh tế đầu tư nâng cao	Advanced Investment Economics	3		
14	A_KTH014	Kinh tế quốc tế nâng cao	Advanced international economics	3		
15	A_KTH015	Tài chính công nâng cao	Advanced public finance	3		
16	A_KTH016	Thẩm định và Quản lý dự án đầu tư công	Public investment project appraisal and management	3		
17	A_KTH022	Chuyên đề thực tế 2	Practicum 1	3		3
<i>B Định hướng: Kinh tế phát triển</i>						
18	A_KTH017	Phát triển bền vững nâng cao	Advanced sustainable development	3		
19	A_KTH018	Kinh tế số và quản lý kinh tế số	Digital economy and economic management	3		
20	A_KTH019	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	Management of linkages and economic development of regions, localities.	3		
21	A_KTH020	Mô hình kinh tế mới	New economic model	3		
22	A_KTH023	Chuyên đề thực tế 2	Practicum 2	3		3
3. Tốt nghiệp				9		
23	A_KTH021	Đề án tốt nghiệp	Graduation thesis	9		9
Tổng số tín chỉ khóa học				61		15

[illegible]

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
<i>b</i>	<i>Định hướng: Kinh tế Phát triển</i>										
18	Phát triển bền vững nâng cao	R	M	M	M			R	M	R	
19	Kinh tế số và quản lý kinh tế số	R	M	M			M	M	M		
20	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	R	M	M	M			M	M		
21	Mô hình kinh tế mới	R	M	M	M			M	M		
22	Chuyên đề thực tế 2	R	M	M	R	M	M	M	A	A	R
III	Tốt nghiệp										
23	Đề án tốt nghiệp	M	A	M	A	A	M	A	A	A	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.

12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

12.1. Phương pháp giảng dạy

❖ Lý thuyết:

Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt cũng như trao đổi/hỏi lại giảng viên những nội dung chưa rõ.

Thảo luận/dàm thoại: Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

Phương pháp dạy học theo nhóm: Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp Người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp Người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác

định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp đóng vai: Phương pháp giảng dạy mà giảng viên thiết lập và đưa ra các tình huống để Người học tham gia đóng vai các vai trò khác nhau. Mục đích chính của phương pháp này là tạo ra một không gian trải nghiệm, giúp Người học học hỏi hiệu quả hơn thông qua việc tham gia vào các tình huống thực tế hoặc giả tưởng. Qua quá trình đóng vai, Người học có cơ hội tương tác với nhau qua các vai diễn, từ đó phát triển các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, ứng xử và làm việc nhóm. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

❖ Thực hành:

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp dạy học dự án: Phương pháp này đặt Người học vào các tình huống thực tế cụ thể và yêu cầu họ áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Điều này giúp Người học liên kết kiến thức với thực tế và làm cho quá trình học tập trở nên có ý nghĩa hơn. Trong phương pháp này, Người học phải tích hợp và áp dụng kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết các thách thức trong dự án. Điều này khuyến khích Người học phát triển kỹ năng tìm sự liên kết giữa các môn học và kỹ năng kết nối kiến thức khi Người học tham gia thực tập, thực hành tại doanh nghiệp, khảo sát thực tế, thị trường để viết báo cáo dựa trên các dữ liệu Người học quan sát, thu thập được và đưa ra kết luận về vấn đề.

12.2. Phương pháp học tập của người học

❖ Hướng dẫn tự học:

- Giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu, các nội dung yêu cầu tự học, thông báo về các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về sản phẩm đạt được sau quá trình tự học (báo cáo, thuyết trình, câu hỏi, bài tập...)

- Giảng viên có thể chia nhóm và quy định số lượng thành viên nhóm một cách cụ thể, chỉ định hoặc yêu cầu nhóm chọn ra nhóm trưởng để chịu trách nhiệm về hoạt động nhóm và làm đầu mối thông tin cho giảng viên, kiểm soát việc tự học trong nhóm.

❖ Tự học:

- **Trong trường hợp Tự học theo cá nhân:** Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

- **Trong trường hợp Tự học theo nhóm:**

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm nhận diện vấn đề marketing của doanh nghiệp cũng như vận dụng các lý thuyết, các phương pháp phù hợp để thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá vấn đề marketing thực tiễn để đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề marketing trong thực tiễn.

12.4. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy – học tập	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Thuyết giảng	X	X	X	X					X	
Thảo luận/đàm thoại	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp học dựa trên vấn đề			X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp đóng vai			X	X			X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo dự án			X	X	X	X	X	X	X	X

13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

13.1. Lý thuyết:

+ Chuyên cần: Người học phải tham dự các buổi học tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Kiểm tra thường xuyên: Người học làm các bài kiểm tra cá nhân, bài tập thảo luận nhóm tại lớp.

+ Thi kết thúc học phần: Người học làm bài thi kết thúc học phần có thể là bài thi trắc nghiệm, tự luận hay tiểu luận.

13.2. Thực hành:

+ Kiểm tra: Người học làm các bài tập thực hành theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên.

+ Thi kết thúc học phần: Người học báo cáo chuyên đề, báo cáo thực hành, thực tập.

13.3 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ Trường hợp đào tạo trong điều kiện bình thường

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
1. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần								X		
1.2 Bài tập thảo luận nhóm	X	X	X	X			X	X	X	
1.3 Kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X		X	X		
1.4. Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
2.1 Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH CHUYÊN ĐỀ THỰC TẾ 1, 2 VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP										
Báo cáo chuyên đề 1,2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo đề án tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

❖ Trường hợp đào tạo có xảy ra rủi ro (Dịch bệnh, Thiên tai, vấn đề bất khả kháng khác,...)

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
1. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần								X		
1.2 Bài tập thảo luận nhóm	X	X	X	X			X	X	X	
1.3 Kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X		X	X		
1.4. Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
2.1 Bài thi tự luận	X	X	X	X	X		X			
2.2 Bài thi trắc nghiệm	X	X	X							
B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH CHUYÊN ĐỀ THỰC TẾ 1, 2 VÀ ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP										
Báo cáo chuyên đề 1,2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo đề án tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

14.1. Tổ chức đào tạo:

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

14.2. Kế hoạch đào tạo:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học	4		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		
3	Kinh tế vi mô nâng cao	3		
4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3		
5	Kinh tế học khu vực công	3		
6	Pháp luật kinh tế	3		
7	Kinh tế nguồn nhân lực	3		
8	Kinh tế phát triển nâng cao	3		
9	Marketing địa phương	3		
10	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao	3		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3		
2	Chuyên đề thực tế 1	3		
Định hướng: Kinh tế đầu tư				
3	Kinh tế đầu tư nâng cao	3		
4	Kinh tế quốc tế nâng cao	3		
5	Tài chính công nâng cao	3		
6	Thẩm định và Quản lý dự án đầu tư công	3		
7	Chuyên đề thực tế 2	3		
Định hướng: Kinh tế phát triển				
3	Phát triển bền vững nâng cao	3		
4	Kinh tế số và quản lý kinh tế số	3		
5	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	3		
6	Mô hình kinh tế mới	3		
7	Chuyên đề thực tế 2	3		
	Tốt nghiệp	3		
8	Đề án tốt nghiệp	9		

B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:**1. Triết học** **Tín chỉ: 4**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác – Lênin, giúp người học nâng cao năng lực nhận thức và tư duy khoa học trong phân tích các vấn đề kinh tế – xã hội. Học viên phát triển kỹ năng phân tích, so sánh và đánh giá để hiểu rõ giá trị khoa học, cách mạng và thực tiễn của triết học Mác – Lênin, đặc biệt là sự vận dụng sáng tạo của Đảng và Nhà nước trong quá trình đổi mới. Trên cơ sở đó, học viên biết vận dụng lý luận triết học để nhận diện vấn đề, luận giải và đề xuất giải pháp trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và phát triển, phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp các nội dung cốt lõi về thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin; làm rõ những nguyên lý cơ bản về mối quan hệ biện chứng, quy luật vận động, phát triển của sự vật hiện tượng; vai trò của thực tiễn trong nhận thức và hoạt động cải tạo xã hội. Người học được củng cố lập trường tư duy khoa học để vận dụng sáng tạo triết học Mác – Lênin trong giải quyết các vấn đề của đời sống kinh tế – xã hội, đặc biệt trong hoạch định chính sách, quản lý kinh tế và các lĩnh vực phát triển ở Việt Nam thời kỳ đổi mới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO4(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần trang bị cho người học nền tảng phương pháp luận nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, bao gồm tổng quan nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và các mô hình phân tích ứng dụng trong kinh tế, tài chính và quản trị. Học phần giúp người học hình thành năng lực xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu và vận dụng công cụ phân tích để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cơ quan quản lý và doanh nghiệp.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức về bản chất và quy trình nghiên cứu khoa học, các bước thiết kế nghiên cứu và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế – xã hội. Nội dung bao gồm: tổng quan tài liệu, xây dựng cơ sở lý thuyết, lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính/định lượng, thiết kế bộ công cụ thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu cơ bản và trình bày kết quả nghiên cứu ứng dụng. Học phần đồng thời hướng dẫn người học cách viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo khoa học và triển khai các nghiên cứu nhóm/cá nhân nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn, làm nền tảng cho đề án tốt nghiệp hoặc dự án ứng dụng tại nơi làm việc.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(R), PLO3(M), PLO6(M), PLO7(M).

3. Kinh tế vi mô nâng cao Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức nâng cao về hành vi của cá nhân, doanh nghiệp và thị trường trong điều kiện kinh tế hiện

đại; giúp người học vận dụng các mô hình kinh tế vĩ mô tiên tiến để phân tích cấu trúc thị trường, đánh giá hiệu quả và thất bại thị trường, xác định tác động của chính sách vĩ mô đến hoạt động kinh tế. Người học được rèn luyện kỹ năng phân tích định lượng, mô phỏng hành vi thị trường, đánh giá tác động chính sách giá – thuế – trợ cấp, từ đó nâng cao năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn và hỗ trợ ra quyết định trong cơ quan quản lý, doanh nghiệp và tổ chức tư vấn. Học phần góp phần phát triển tư duy phân tích, khả năng ứng dụng mô hình vĩ mô vào bối cảnh thực tiễn và tăng cường năng lực vận dụng sáng tạo trong hoạch định chính sách và chiến lược vĩ mô.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp các kiến thức nâng cao về: tối ưu hóa hành vi tiêu dùng và sản xuất; mô hình cung – cầu mở rộng; các loại cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh có độc quyền, độc quyền nhóm); nghiên cứu cân bằng từng phần và tổng thể; thất bại thị trường và vai trò điều tiết; phân tích tác động của thuế, trợ cấp, kiểm soát giá, hạn ngạch và các công cụ chính sách vĩ mô khác. Nội dung được triển khai theo hướng ứng dụng mạnh vào thực tiễn thông qua phân tích dữ liệu, mô phỏng tác động chính sách và thảo luận tình huống thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO3(M), PLO4(R), PLO6(M), PLO7(R).

4. Tên học phần: Kinh tế vĩ mô nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức nâng cao về kinh tế vĩ mô hiện đại, bao gồm các mô hình tăng trưởng kinh tế tân cổ điển và nội sinh, hành vi tiêu dùng – tiết kiệm, đầu tư, mô hình thị trường tiền tệ và tổng cung – tổng cầu mở rộng, cùng các lý thuyết về chu kỳ kinh tế và biến động vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn. Trên cơ sở đó, học viên được rèn luyện năng lực vận dụng mô hình vĩ mô để phân tích các hiện tượng kinh tế thực tiễn, đánh giá tác động của chính sách tài khóa – tiền tệ – thương mại đối với ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng, và giải thích các biến động kinh tế hiện nay bằng dữ liệu thực chứng. Học phần hướng đến phát triển tư duy phân tích, năng lực đánh giá chính sách và khả năng ứng dụng mô hình vĩ mô vào bối cảnh quản lý kinh tế và hoạch định chính sách ở cấp vĩ mô.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần trình bày các mô hình kinh tế vĩ mô nâng cao và công cụ phân tích chính sách, gồm: mô hình tăng trưởng kinh tế (tân cổ điển, nội sinh), mô hình tiêu dùng – tiết kiệm và đầu tư, mô hình tiền tệ và cơ chế truyền dẫn chính sách, mô hình tổng cung – tổng cầu mở rộng, phân tích chu kỳ kinh tế và biến động sản lượng. Nội dung nhấn mạnh đánh giá tác động chính sách kinh tế vĩ mô đối với ổn định kinh tế, lạm phát, thất nghiệp và tăng trưởng, phân tích các nhân tố hình thành chu kỳ kinh tế, cũng như ứng dụng mô hình vĩ mô vào đánh giá sự kiện kinh tế thực tế ở Việt Nam và quốc tế. Học phần giúp học viên tăng cường năng lực phân tích, mô hình hóa và đánh giá chính sách trong bối cảnh kinh tế vĩ mô biến động nhanh và yêu cầu ứng dụng cao trong quản lý kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(R).

5. Kinh tế học khu vực công**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho người học kiến thức nâng cao về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế và các công cụ can thiệp công, giúp người học vận dụng các mô hình kinh tế, lý thuyết phúc lợi và công cụ phân tích chính sách để đánh giá tác động của thuế, chi tiêu công, trợ cấp và các biện pháp điều tiết. Trọng tâm của học phần là phân tích và so sánh hiệu quả của các chính sách kinh tế – xã hội trong thực tiễn, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, quản trị công hiệu quả và bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế. Học phần hướng người học tới tư duy ứng dụng, phân tích tình huống, ra quyết định dựa trên bằng chứng và năng lực tư vấn chính sách trong môi trường làm việc thực tế.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần bao gồm các nội dung chính: (1) Cơ sở lý thuyết của kinh tế học khu vực công và vai trò Nhà nước trong nền kinh tế; (2) Thất bại thị trường và các lý do can thiệp công; (3) Phân tích tác động của thuế, chi tiêu công, trợ cấp và điều tiết; (4) Hiệu quả phân bổ nguồn lực, phúc lợi xã hội và tác động phân phối; (5) Tài chính công, quản trị công và trách nhiệm giải trình; (6) Đánh giá chính sách bằng mô hình kinh tế và dữ liệu thực chứng; (7) Các vấn đề chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập và phát triển bền vững. Học phần chú trọng phương pháp phân tích tình huống, nghiên cứu chính sách, thực hành đánh giá và thảo luận chuyên đề nhằm tăng cường tư duy phản biện, năng lực ứng dụng và khả năng đề xuất giải pháp thực tiễn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(R), PLO7(R), PLO8(M).

6. Pháp luật kinh tế**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học nền tảng kiến thức hệ thống về pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh tế, bao gồm khung pháp lý đối với thị trường, chủ thể kinh doanh, hợp đồng, cạnh tranh, thương mại, đầu tư, đấu thầu, thuế và giải quyết tranh chấp kinh tế. Trên cơ sở tiếp cận các quy định pháp luật gắn với thực tiễn quản lý kinh tế và vận hành doanh nghiệp, học phần giúp người học phân tích, đánh giá và vận dụng pháp luật trong xử lý các vấn đề kinh tế – xã hội; nâng cao năng lực tuân thủ, thích ứng và vận dụng sáng tạo pháp luật kinh tế, pháp luật đầu tư công, pháp luật đấu thầu và các chuẩn mực pháp lý quốc tế trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số. Học phần hỗ trợ phát triển kỹ năng ứng dụng pháp luật trong hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách kinh tế – xã hội theo định hướng ứng dụng của chương trình.

+ Tóm tắt nội dung: Tổng quan pháp luật kinh tế và vai trò trong quản lý nhà nước về kinh tế. Khung pháp lý đối với chủ thể kinh doanh và hoạt động thị trường. Quy định pháp luật về hợp đồng, sở hữu trí tuệ và cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế. Pháp luật về đầu tư, thương mại, cạnh tranh và đấu thầu. Pháp luật về tài chính – thuế và các công cụ

điều tiết kinh tế. Pháp luật trong hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách kinh tế – xã hội; vận dụng pháp luật trong xử lý các tình huống thực tiễn của cơ quan quản lý và doanh nghiệp

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO3(R), PLO7(R), PLO8(R), PLO10(R).

7. Kinh tế nguồn nhân lực Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu về kinh tế học nguồn nhân lực và các mô hình phân tích hành vi lao động, cơ chế vận hành thị trường lao động và các yếu tố quyết định năng suất, tiền lương và việc làm. Trọng tâm của học phần là giúp người học vận dụng các công cụ phân tích định lượng – định tính vào đánh giá nguồn nhân lực, xác định vấn đề, phân tích cung – cầu lao động, đánh giá hiệu quả chính sách lao động – việc làm, và đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số, toàn cầu hóa và thay đổi cơ cấu kinh tế. Học phần hướng tới nâng cao năng lực phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến quản trị và phát triển nguồn nhân lực ở cấp tổ chức, ngành và địa phương theo tiếp cận dựa trên thực tiễn.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết và mô hình kinh tế học nguồn nhân lực; phương pháp xác định nhu cầu và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; phân tích thị trường lao động theo cung – cầu và các yếu tố tác động; năng suất lao động và mô hình xác định tiền lương; việc làm, thất nghiệp và các vấn đề xã hội liên quan; chính sách lao động – việc làm và thiết kế các công cụ can thiệp; ứng dụng kỹ thuật phân tích định lượng trong đánh giá nguồn nhân lực; và chính sách phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập và phát triển bền vững.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO3(R), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M).

8. Kinh tế phát triển nâng cao Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức nâng cao về kinh tế phát triển, giúp hình thành tư duy phân tích, đánh giá và vận dụng các mô hình, công cụ và chính sách phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số và chuyển đổi mô hình tăng trưởng tại các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là Việt Nam. Học viên được rèn luyện năng lực phân tích vấn đề phát triển, đánh giá chính sách và vận dụng các phương pháp tiếp cận thực chứng để hỗ trợ công tác hoạch định và quản lý phát triển kinh tế ở cấp ngành, vùng, địa phương và quốc gia.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp nền tảng chuyên sâu về các lý thuyết tăng trưởng và phát triển hiện đại; động lực và nguồn lực của phát triển kinh tế; các chỉ tiêu và mô hình đo lường phát triển; phát triển con người và phát triển bền vững; tác động của

thương mại, đầu tư và hội nhập quốc tế đến tăng trưởng; mô hình phát triển và quá trình chuyển đổi của các nền kinh tế mới nổi. Nội dung kết hợp phân tích tình huống thực tiễn, nghiên cứu trường hợp và minh chứng tại Việt Nam để giúp học viên hiểu rõ bối cảnh, vấn đề đặt ra và định hướng chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững trong giai đoạn mới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO7(R), PLO8(M).

9. Marketing địa phương

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức chuyên sâu về marketing địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và cạnh tranh vùng ngày càng gia tăng. Học viên được rèn luyện tư duy phân tích và năng lực vận dụng các mô hình, công cụ marketing vào xây dựng chiến lược phát triển địa phương; nâng cao khả năng đánh giá, ra quyết định và đề xuất giải pháp phù hợp cho từng nhóm đối tượng mục tiêu. Học phần đồng thời tăng cường năng lực nghiên cứu ứng dụng, qua đó hỗ trợ học viên phân tích chính sách và xây dựng mô hình quản lý địa phương theo hướng sáng tạo, hiệu quả và phát triển bền vững.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần gồm các nội dung chính: (i) khái niệm, đặc điểm và vai trò của marketing địa phương; (ii) các chủ thể tham gia marketing địa phương; (iii) quy trình xây dựng chiến lược marketing địa phương; (iv) phân tích môi trường cạnh tranh và định vị hình ảnh địa phương; (v) thiết kế chiến lược marketing cho các nhóm đối tượng mục tiêu như nhà đầu tư, du khách, doanh nghiệp và cư dân; (vi) xây dựng và phát triển thương hiệu địa phương; và (vii) ứng dụng marketing trong thu hút nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế – xã hội địa phương. Các nội dung được triển khai theo hướng tăng cường tình huống thực tiễn, phân tích dữ liệu và giải quyết vấn đề.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO2(R), PLO3(R), PLO7(R), PLO8(R).

10. Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu chung của học phần: Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng nâng cao về phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh theo định hướng ứng dụng. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng lựa chọn, thiết kế và triển khai các phương pháp phân tích định lượng phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong kinh tế – chính sách – doanh nghiệp; vận dụng thành thạo các phần mềm phân tích dữ liệu (Stata, R, SPSS, EVIEWS hoặc tương đương) trong mô hình hóa, xử lý và phân tích dữ liệu thực chứng. Học phần đồng thời phát triển năng lực tư duy phản biện, phân tích – đánh giá và diễn giải kết quả một cách độc lập, trung thực và có trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu ứng dụng và hỗ trợ ra quyết định dựa trên bằng chứng thực tiễn kinh tế và kinh doanh.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần tập trung vào các kỹ thuật phân tích dữ liệu nâng cao phục vụ nghiên cứu và giải quyết vấn đề thực tiễn trong kinh tế và kinh doanh, bao gồm: (1) Phân tích dữ liệu sơ cấp: kiểm định độ tin cậy và giá trị thang đo; phân tích nhân tố khám phá (EFA); phân tích nhân tố khẳng định (CFA); mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). (2) Phân tích dữ liệu thứ cấp: mô hình hồi quy đa biến nâng cao; phân tích chuỗi thời gian; mô hình dữ liệu bảng (panel) và các kiểm định liên quan. Nội dung học phần nhấn mạnh kỹ thuật kiểm định giả thuyết, mô hình hóa, phân tích và diễn giải kết quả nhằm hỗ trợ đánh giá chính sách, phân tích kinh tế doanh nghiệp và ra quyết định dựa trên bằng chứng. Học phần góp phần tăng cường năng lực ứng dụng kinh tế lượng nâng cao trong giải quyết các vấn đề kinh tế – quản lý theo định hướng thực tiễn và phát triển bền vững.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO5(R), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M).

11. Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng các phương pháp phân tích kinh tế, mô hình định lượng và kỹ thuật dự báo để nhận diện, đánh giá và dự đoán xu hướng kinh tế – xã hội; đồng thời giám sát mức độ thực thi các chỉ tiêu và chính sách kinh tế ở cấp quốc gia, ngành, vùng và doanh nghiệp. Học viên được rèn luyện năng lực vận dụng các mô hình kinh tế lượng nâng cao, phân tích dữ liệu lớn, thiết kế hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá sai lệch và hiệu quả chính sách, cũng như trực quan hóa và diễn giải kết quả theo chuẩn mực khoa học phục vụ thực tiễn quản lý, tư vấn và hoạch định chính sách.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần tập trung vào: (1) nguyên lý và phân loại dự báo kinh tế, yêu cầu kỹ thuật đối với dự báo khoa học; (2) đặc điểm và cấu trúc dữ liệu kinh tế (chuỗi thời gian, dữ liệu chéo, dữ liệu hỗn hợp), kỹ thuật thu thập – làm sạch – xử lý dữ liệu; (3) mô hình dự báo và công cụ phân tích định lượng ứng dụng như hồi quy kinh tế lượng, mô hình ARIMA, mô hình xu hướng, phân tích sai số dự báo và phương pháp dự báo định tính trong bối cảnh chính sách; (4) nội dung giám sát kinh tế gồm hệ thống chỉ tiêu giám sát, phương pháp so sánh mục tiêu – thực tế, phân tích nguyên nhân sai lệch, đánh giá tính hiệu quả và tác động chính sách; (5) kỹ năng trực quan hóa dữ liệu, trình bày, thuyết minh và viết báo cáo phân tích – dự báo theo chuẩn học thuật và yêu cầu thực tiễn của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức tư vấn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO5(R), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M).

12. Chuyên đề thực tế 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm phát triển và đánh giá năng lực vận dụng kiến thức kinh tế học vào thực tiễn thông qua nghiên cứu tình huống thực địa có hướng dẫn của giảng viên. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có khả năng: phân tích và

đánh giá toàn diện một vấn đề kinh tế – xã hội dựa trên luận cứ khoa học và bằng chứng thực tiễn; đề xuất giải pháp và kiến nghị chính sách hiệu quả, khả thi; thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thực tế phục vụ việc đánh giá, lập báo cáo và ra quyết định; thể hiện năng lực làm việc nhóm, giao tiếp – thuyết trình chuyên nghiệp; tuân thủ chuẩn mực đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và tác phong khi làm việc với cơ quan/đơn vị khảo sát.

+ Tóm tắt nội dung: Chuyên đề Thực tế 1 là học phần mang tính ứng dụng cao, tập trung vào việc khảo sát thực địa và phân tích vấn đề kinh tế trong thực tiễn tại cơ quan quản lý, doanh nghiệp hoặc địa phương. Nội dung bao gồm: lựa chọn và xác định chủ đề nghiên cứu thực tế; xây dựng đề cương khảo sát; thực hiện thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp; phân tích vấn đề kinh tế, đánh giá chính sách hoặc hiệu quả hoạt động kinh tế – quản lý; đề xuất giải pháp trên cơ sở bằng chứng; hoàn thiện báo cáo chuyên đề thực tiễn và bảo vệ kết quả trước giảng viên/hội đồng. Học phần nhấn mạnh năng lực vận dụng mô hình, phương pháp phân tích và kỹ thuật xử lý dữ liệu vào đánh giá chuyên đề thực tiễn, dự án kinh doanh hoặc vấn đề chính sách ở địa phương/doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(R), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(A), PLO9(A), PLO10(R).

13. Kinh tế đầu tư nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm giúp học viên vận dụng kiến thức nâng cao về kinh tế đầu tư để phân tích, đánh giá và ra quyết định liên quan đến hoạt động đầu tư trong khu vực công và tư. Học viên được trang bị khả năng nhận diện các yếu tố tác động đến môi trường đầu tư; đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn vốn trong nước và quốc tế (FDI, ODA, PPP); phân tích chính sách khuyến khích đầu tư; và vận dụng các nguyên tắc quản lý đầu tư theo chu kỳ dự án để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh toàn cầu và chuyển đổi số. Học phần hướng đến phát triển năng lực ứng dụng thực tiễn, tư duy phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp trong lĩnh vực kinh tế đầu tư.

+ Tóm tắt nội dung: Nội dung học phần bao gồm: (1) Các lý thuyết kinh tế về đầu tư và mô hình ra quyết định đầu tư; (2) Phân tích nguồn vốn đầu tư: vốn trong nước, FDI, vốn ODA, PPP và các điều kiện huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn vốn; (3) Chính sách đầu tư và các chỉ số đánh giá môi trường đầu tư; (4) Quản lý đầu tư công: lập kế hoạch đầu tư, quản lý chu trình dự án, kiểm soát rủi ro và giám sát – đánh giá đầu tư; (5) Đầu tư trong doanh nghiệp: chiến lược đầu tư, quyết định đầu tư, quản lý danh mục và đổi mới công nghệ; (6) Các phương pháp phân tích và đánh giá hiệu quả kinh tế – xã hội của hoạt động đầu tư trong bối cảnh thực tiễn và chuyển đổi số. Học phần kết hợp lý thuyết và bài tập tình huống nhằm tăng cường khả năng ứng dụng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M).

14. Kinh tế quốc tế nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức nâng cao về lý thuyết và thực tiễn kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa và chuyển dịch mô hình tăng trưởng. Người học được phát triển năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo các mô hình kinh tế quốc tế để giải thích dòng chảy thương mại – đầu tư – tài chính xuyên biên giới; đồng thời hình thành tư duy phản biện và khả năng đề xuất hàm ý chính sách hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ doanh nghiệp, ngành, vùng và quốc gia, phù hợp định hướng kinh tế đầu tư.

❖ Tóm tắt nội dung: Học phần tập trung vào các nội dung chính: phân tích xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa và dịch chuyển chuỗi giá trị; nghiên cứu các lý thuyết và mô hình đánh giá lợi thế so sánh – chuyên môn hóa trong thương mại quốc tế; phân tích lợi thế cạnh tranh quốc gia thông qua mô hình Kim cương Porter và mô hình Năng lực cạnh tranh toàn cầu (WEF); đánh giá cơ hội và thách thức của hội nhập đối với thương mại, đầu tư và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; phân tích vai trò các định chế kinh tế toàn cầu và khu vực; nghiên cứu các cú sốc kinh tế, xu hướng chủ nghĩa bảo hộ mới và phản ứng chính sách của các quốc gia; xem xét yêu cầu cải cách thể chế, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong hội nhập kinh tế quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M).

15. Tên học phần: Tài chính công nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu về tài chính công hiện đại, bao gồm thuế, chi tiêu công, cơ cấu ngân sách, quản lý nợ công và các công cụ tài khóa trong quản trị nhà nước. Người học được rèn luyện năng lực vận dụng các mô hình phân tích tài khóa, đánh giá hiệu quả chính sách tài chính công và phân tích tác động của chính sách đối với tăng trưởng kinh tế, ổn định vĩ mô và phân bổ nguồn lực. Học phần giúp phát triển tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn và khả năng đề xuất giải pháp tài khóa hiệu quả, phù hợp với bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số và yêu cầu quản lý tài chính công theo hướng bền vững.

+ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trình bày các vấn đề cốt lõi và nâng cao của tài chính công, bao gồm hệ thống thuế, chi tiêu công, quản lý ngân sách nhà nước, nợ công và các mô hình đánh giá hiệu quả tài khóa. Nội dung nhấn mạnh vai trò của chính sách tài khóa trong phát triển kinh tế – xã hội, thúc đẩy đầu tư công, cải thiện công bằng phân phối và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công. Người học được tiếp cận các phương pháp và công cụ phân tích hiện đại, các mô hình mô phỏng và thực hành phân tích dữ liệu để đánh giá tác động của các chính sách tài chính công trong bối cảnh toàn cầu hóa và cải cách quản trị nhà nước.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M).

16. Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu và các phương pháp hiện đại trong lập, phân tích, thẩm định và quản lý dự án đầu tư công theo chuẩn mực quốc tế và quy định pháp lý tại Việt Nam. Trọng tâm của học phần là phát triển năng lực ứng dụng mô hình tài chính – kinh tế, kỹ thuật phân tích định lượng, đánh giá rủi ro và giám sát hiệu quả dự án nhằm hỗ trợ ra quyết định đầu tư công minh bạch, hiệu quả và bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có khả năng thiết kế và triển khai các phân tích thẩm định đa chiều (kỹ thuật, pháp lý, tài chính, kinh tế – xã hội, môi trường), vận dụng tư duy phản biện để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của dự án, và đề xuất các giải pháp quản lý đầu tư công dựa trên bằng chứng và phương pháp tiếp cận thực tiễn.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp hệ thống kiến thức và kỹ thuật chuyên sâu về quy trình lập và thẩm định dự án đầu tư công, bao gồm: phân tích nhu cầu và thị trường; đánh giá phương án kỹ thuật – công nghệ; phân tích tài chính dự án; phân tích chi phí – lợi ích kinh tế – xã hội; thẩm định rủi ro, tính bền vững và mức độ phù hợp chính sách. Nội dung được mở rộng sang quản lý và giám sát vòng đời dự án theo các khung quản trị hiện đại như RBM, khung logic, quản lý rủi ro và đánh giá tác động. Học phần sử dụng tình huống thực tế, mô phỏng và bài tập ứng dụng nhằm phát triển năng lực thẩm định, phân tích chính sách và quản lý dự án đầu tư công trong thực tiễn, phù hợp với nhu cầu của lĩnh vực kinh tế đầu tư.

❖ Đáp ứng Chuẩn đầu ra của học phần: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M).

17. Chuyên đề thực tế 2 Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu chung của học phần: Học phần nhằm phát triển năng lực ứng dụng nâng cao cho người học thông qua việc vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên sâu về kinh tế học để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề kinh tế – xã hội phức tạp trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế đầu tư (công và tư) và kinh tế phát triển. Học viên được rèn luyện tư duy phân tích, kỹ năng khảo sát thực tế, thu thập – xử lý dữ liệu hiện trường, đánh giá hiệu quả dự án hoặc chính sách, từ đó đề xuất giải pháp và kiến nghị chính sách có cơ sở khoa học và phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Học phần đồng thời giúp người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng báo cáo chuyên đề và chuẩn bị nền tảng thực tiễn cho việc thực hiện Đề án tốt nghiệp và các báo cáo chuyên đề thực tiễn.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung phân tích các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh tế, chính sách và quản lý, dựa trên khảo sát thực địa, thu thập dữ liệu, phân tích tình huống và nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề. Học viên làm việc theo nhóm hoặc cá nhân để tiếp cận doanh nghiệp, cơ quan quản lý hoặc dự án thực tế; thực hiện ghi nhận thông tin, xây dựng bộ dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động hoặc chính sách; thảo luận các phát hiện và đề xuất giải pháp phù hợp. Nội dung học phần nhấn mạnh khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, phát triển báo cáo thực hành chuyên đề hoàn chỉnh và kỹ năng trình bày kết quả phân tích. Học phần là sự nối tiếp và nâng cao từ Chuyên đề thực tế 1, giúp người học củng cố năng lực xử lý vấn đề phức tạp và tạo cơ

sở vững chắc để hoàn thiện Đề án tốt nghiệp và các báo cáo chuyên đề thực tiễn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(R), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(A), PLO9(A), PLO1 (R).

18. Phát triển bền vững nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao và kỹ năng ứng dụng trong phân tích và hoạch định phát triển bền vững ở cấp độ nền kinh tế và doanh nghiệp. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có khả năng vận dụng các mô hình và bộ chỉ tiêu phát triển bền vững theo chuẩn UNDP, đánh giá mối quan hệ giữa ba trụ cột kinh tế – xã hội – môi trường, phân tích tác động của chính sách dựa trên bằng chứng thực tiễn; đồng thời đề xuất giải pháp và khuyến nghị chính sách phù hợp với định hướng tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp, tiến trình Net Zero và yêu cầu triển khai các cam kết COP30. Học viên cũng được phát triển năng lực phân tích và ứng dụng khung ESG trong doanh nghiệp, bao gồm đánh giá tác động môi trường, trách nhiệm xã hội, quản trị bền vững và xây dựng chiến lược kinh doanh theo định hướng phát triển bền vững.

+ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp hệ thống lý thuyết và công cụ phân tích phát triển bền vững theo chuẩn quốc tế ở cấp độ quốc gia và doanh nghiệp. Nội dung chính gồm: (i) mô hình và các chỉ số phát triển bền vững của UNDP và các tổ chức quốc tế; (ii) phương pháp đánh giá tác động kinh tế – xã hội – môi trường; (iii) chính sách tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp và yêu cầu chuyển dịch năng lượng trong bối cảnh COP30; (iv) vai trò Nhà nước, doanh nghiệp và các bên liên quan trong thực thi chiến lược phát triển bền vững và Net Zero.

Ở cấp doanh nghiệp, học phần tập trung vào khung ESG, hệ thống đo lường tác động môi trường (carbon footprint, water footprint), trách nhiệm xã hội, quản trị doanh nghiệp bền vững, chiến lược kinh doanh xanh, quản trị rủi ro khí hậu, tài chính xanh và báo cáo phát triển bền vững. Học phần nhấn mạnh tính ứng dụng thông qua phân tích dữ liệu thực tiễn, đánh giá chính sách, nghiên cứu tình huống trong và ngoài nước, thảo luận học thuật và bài tập mô phỏng nhằm gắn kết lý thuyết với thực tiễn phát triển bền vững của nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(R).

19. Kinh tế số và quản lý kinh tế số

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho người học nền tảng lý thuyết, tư duy hệ thống và năng lực ứng dụng trong phân tích, đánh giá và quản lý kinh tế số trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và toàn cầu. Người học được phát triển năng lực nhận diện bản chất kinh tế số, vai trò của dữ liệu và công nghệ số (AI, Blockchain, IoT, Big Data) trong mô hình tăng trưởng mới; phân tích mô hình kinh doanh số và hiệu ứng kinh tế của

các nền tảng số; đánh giá chính sách và thể chế kinh tế số; đồng thời vận dụng tư duy quản lý kinh tế số vào thực tiễn quản trị nhà nước và doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

+ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về lý thuyết, thực tiễn và quản lý kinh tế số, gồm: Nền tảng lý luận về kinh tế số và vai trò của dữ liệu trong mô hình tăng trưởng mới. Hạ tầng số, nền tảng số, hệ sinh thái kinh tế số và đổi mới mô hình kinh doanh trong môi trường số. Đặc trưng hàng hóa – dịch vụ số, mô hình kinh doanh số, chuỗi giá trị số, hiệu ứng mạng và kinh tế nền tảng. Chính sách, thể chế và quy định quản lý kinh tế số; khung pháp lý và quản trị rủi ro trong môi trường số. Quản trị và chuyển đổi số trong doanh nghiệp: chiến lược số, quản trị dữ liệu lớn, phân tích hành vi khách hàng, digital marketing và quản trị hệ thống thông tin. Thực tiễn phát triển kinh tế số tại Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế. Học viên được vận dụng các phương pháp phân tích tình huống, thảo luận chuyên đề và đánh giá chính sách nhằm tăng cường khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề thực tiễn và ra quyết định trong bối cảnh chuyển đổi mô hình kinh tế số và quản lý kinh tế số.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M).

20. Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về quản lý liên kết vùng và phát triển kinh tế – xã hội ở cấp vùng và địa phương, dựa trên các lý thuyết hiện đại và mô hình phân tích liên vùng. Người học được phát triển năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng bằng chứng thực nghiệm trong hoạch định chiến lược phát triển vùng, đồng thời hình thành tư duy ứng dụng trong đánh giá mức độ liên kết kinh tế, nhận diện vấn đề và thiết kế các giải pháp quản trị phát triển vùng hiệu quả, khả thi và bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể vận dụng lý thuyết, mô hình và dữ liệu thực tế để phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp tăng cường liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương trong các bối cảnh thực tiễn.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp nền tảng về quản lý liên kết kinh tế vùng và phát triển kinh tế – xã hội địa phương, gồm: cơ sở lý thuyết về liên kết vùng; mô hình phát triển kinh tế vùng; công cụ và phương pháp phân tích kinh tế lãnh thổ; kỹ thuật đánh giá liên kết kinh tế; cơ chế phối hợp vùng; các mô hình phát triển vùng trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, học viên được rèn luyện khả năng vận dụng phương pháp phân tích, đánh giá mức độ liên kết và hiệu quả các mô hình kinh tế vùng, cũng như đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp với thực tiễn địa phương.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M).

21. Mô hình kinh tế mới**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu chung của học phần: Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và cập nhật về các mô hình kinh tế hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Học viên được phát triển năng lực nghiên cứu học thuật, tư duy phân tích – đánh giá mô hình kinh tế dựa trên cơ sở lý thuyết, bằng chứng thực nghiệm và kinh nghiệm quốc tế. Học phần hướng đến việc hình thành khả năng luận giải khoa học, so sánh mô hình, phân tích tác động chính sách và đề xuất định hướng chuyển đổi mô hình kinh tế – kinh doanh dựa trên tiếp cận dữ liệu, tư duy nghiên cứu và thực chứng. Sau khi hoàn thành, người học có thể nhận diện động lực hình thành, cơ chế vận hành, ưu-nhược điểm và hàm ý cải cách mô hình kinh tế mới phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp khung lý thuyết về sự hình thành, vận động và chuyển đổi mô hình kinh tế dưới tác động của các cuộc Cách mạng công nghiệp (1.0–4.0) và những xu hướng kinh tế mới. Các nội dung chính gồm: Sự tiến hóa của mô hình kinh tế từ truyền thống đến hiện đại; Mô hình kinh tế số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; Kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ, kinh tế nền tảng; Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và mô hình tăng trưởng bền vững; Kinh tế bao trùm và các mô hình phát triển mới trong thế kỷ 21. Học viên được tiếp cận học phần dưới góc độ nghiên cứu học thuật, kết hợp thảo luận học thuật, phân tích mô hình, nghiên cứu tình huống và ứng dụng phương pháp nghiên cứu định tính–định lượng để đánh giá tính phù hợp, hiệu quả, điều kiện vận hành và hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M).

22. Chuyên đề thực tế 2**Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu chung của học phần: Học phần nhằm phát triển năng lực ứng dụng nâng cao cho người học thông qua việc vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên sâu về kinh tế học để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề kinh tế – xã hội phức tạp trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế đầu tư (công và tư) và kinh tế phát triển. Học viên được rèn luyện tư duy phân tích, kỹ năng khảo sát thực tế, thu thập – xử lý dữ liệu hiện trường, đánh giá hiệu quả dự án hoặc chính sách, từ đó đề xuất giải pháp và kiến nghị chính sách có cơ sở khoa học và phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Học phần đồng thời giúp người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng báo cáo chuyên đề và chuẩn bị nền tảng thực tiễn cho việc thực hiện Đề án tốt nghiệp và các báo cáo chuyên đề thực tiễn.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung phân tích các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh tế, chính sách và quản lý, dựa trên khảo sát thực địa, thu thập dữ liệu, phân tích tình huống và nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề. Học viên làm việc theo nhóm hoặc cá nhân để tiếp cận doanh nghiệp, cơ quan quản lý hoặc dự án thực tế; thực hiện ghi nhận thông tin, xây dựng bộ dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động hoặc chính

sách; thảo luận các phát hiện và đề xuất giải pháp phù hợp. Nội dung học phần nhấn mạnh khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, phát triển báo cáo thực hành chuyên đề hoàn chỉnh và kỹ năng trình bày kết quả phân tích. Học phần là sự nối tiếp và nâng cao từ Chuyên đề thực tế 1, giúp người học củng cố năng lực xử lý vấn đề phức tạp và tạo cơ sở vững chắc để hoàn thiện Đề án tốt nghiệp và các báo cáo chuyên đề thực tiễn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(R), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(A), PLO9(A), PLO10(R).

23. Đề án tốt nghiệp

Tín chỉ: 9

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định hiện hành về thực hiện Đề án tốt nghiệp của Trường.

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần giúp người học thực hiện một đề án nghiên cứu ứng dụng độc lập nhằm giải quyết một vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý kinh tế hoặc chính sách kinh tế. Người học có khả năng xác định mục tiêu, phạm vi và câu hỏi nghiên cứu rõ ràng; lựa chọn và vận dụng phù hợp các phương pháp phân tích định tính, định lượng hoặc kết hợp để đánh giá và xử lý vấn đề thực tiễn. Đề án thể hiện tư duy phản biện, lập luận dựa trên bằng chứng, khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, sử dụng công cụ phân tích khoa học và đề xuất giải pháp hoặc hàm ý chính sách có tính khả thi, giá trị ứng dụng cao. Người học phải tuân thủ nghiêm túc chuẩn mực học thuật, đạo đức nghiên cứu, tính minh bạch dữ liệu và quy định về sở hữu trí tuệ.

+ Tóm tắt nội dung: Đề án tốt nghiệp là sản phẩm ứng dụng cuối cùng của CTĐT, được thực hiện dựa trên nền tảng kiến thức và kỹ năng tích lũy trong toàn khóa học, đặc biệt từ Chuyên đề thực tế 1 và Chuyên đề thực tế 2. Nội dung đề án bao gồm: Xây dựng đề cương và khung phân tích; xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu ứng dụng; thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu theo phương pháp đã lựa chọn; đánh giá và thảo luận kết quả theo bối cảnh thực tiễn; đề xuất giải pháp, mô hình hoặc hàm ý chính sách có tính khả thi và hiệu quả. Báo cáo đề án phải đảm bảo chuẩn mực trình bày, trích dẫn đầy đủ, chính xác và nội dung nghiên cứu phải do chính học viên thực hiện, chưa từng công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A), PLO3(M), PLO4(A), PLO5(A), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(A), PLO9(A), PLO10(M)./.²

Viện trưởng
Viện Kinh tế chính trị quốc tế



Lại Văn Nam



Hiệu trưởng

Phạm Tiến Đạt

C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn)	ĐH Quốc gia Hà Nội	Chính trị Quốc gia sự thật, 2018	2018	Triết học
2	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nguyễn Huy Hoàng	NXB Tài chính, 2022	2022	Phương pháp NCKH
3	Giáo trình Kinh tế vi mô nâng cao	Tô Trung Thành	NXB Đại học Kinh tế quốc dân., 2022	2022	Kinh tế vi mô nâng cao
4	Kinh Tế Học Vĩ Mô	N. Gregory Mankiw	Hồng Đức, 2021	2021	Kinh tế vĩ mô nâng cao
5	Giáo trình Khu vực công và Quản lý công	Đỗ Thị Hải Hà	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022	2022	Kinh tế học khu vực công
6	Luật đầu tư công 2024 và Luật Kinh Tế	Quốc hội 15 và Nguyễn Thị Dung	NXB CTQG và NXB Tư Pháp, 2024	2024	Pháp luật về kinh tế
7	Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực	Trần Xuân Cầu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019	2019	Kinh tế nguồn nhân lực
8	Kinh tế phát triển	Vòng Thịnh Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2022	2022	Kinh tế phát triển nâng cao
9	Giáo trình Marketing địa phương	Trần Nguyễn Khánh Hải và Nguyễn Ngọc Hạnh (đồng chủ biên)	NXB Tài chính, 2025	2025	Marketing địa phương
10	Giáo trình Thực hành Nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	2019	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao
11	Dự báo và chính sách kinh tế	Nicolas Carnot, Vincent Koen, Bruno Tissot	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2024	2024	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
12	Giáo trình Kinh tế Đầu tư	PGS. TS Phạm Văn Hùng, TS Nguyễn Thị Ái Liên	Đại học Kinh tế quốc dân, 2024	2024	Kinh tế đầu tư nâng cao

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
13	Giáo trình Kinh tế học quốc tế nâng cao	Từ Thúy Anh	NXB Thông tin và Truyền thông	2024	Kinh tế quốc tế nâng cao
14	Giáo trình tài chính công	TS Nguyễn Thế Khang (Trưởng UFM)	Tài chính, 2024	2024	Tài chính công nâng cao
15	Giáo trình phân tích và quản lý dự án đầu tư	Thái Bá Cẩn	NXB Giáo dục, 2017	2017	Thẩm định và Quản lý đầu tư công
16	Giáo trình Phát triển bền Vững	Nguyễn Thế Khang	Hồng Đức, 2025	2025	Phát triển bền vững nâng cao
17	Giáo trình kinh tế số	Trần Thị Ái Cẩm	NXB Xây dựng	2024	Kinh tế số và quản lý kinh tế số
18	Planning Local Economic Development: Theory and Practice Seventh Edition	Nancey Green Leigh	Sage Publications	2024	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương
19	Giáo trình Giới thiệu lý thuyết mô hình kinh tế.	Nguyễn Khắc Minh (chủ biên), Bùi Duy Phú, Đào Văn Khiêm.	Nxb. Tài chính.	2020	Mô hình kinh tế mới

2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học	Bộ giáo dục và đào tạo	Đại học Sư phạm, 2014	2014	Triết học
2	Lịch sử triết học phương Đông	Nguyễn Đăng Thục	NXB Hồng Đức, 2017	2017	Triết học
3	Giáo trình Thực hành Nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	2019	Phương pháp NCKH
4	Giáo trình Sau đại học Phương pháp Nghiên cứu Khoa học trong Kinh doanh- Cập nhật SmartPLS	Bùi Nhất Vương, Hà Nam Khánh Giao	NXB Kinh tế, 2024	2024	Phương pháp NCKH
5	Business research methods	Emma Bell; Alan Bryman; Bill Harley	Oxford University Press, 2022	2019	Phương pháp NCKH

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
6	Principles of Macroeconomics, 10th Edition	N. Gregory Mankiw	Cengage, 2024	2024	Kinh tế vĩ mô nâng cao
7	Advanced Macroeconomics, 5th Edition,	Romer, D.	McGraw-Hill, 2019	2019	Kinh tế vĩ mô nâng cao
8	Kinh tế khu vực công	Trần Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Hải	Nxb. CTQG, 2015	2015	Kinh tế khu vực công
9	Principles of Management. fifteen Edition.	Stephen P. Robbins & Mary Coulter.	Pearson Publishing, 2025	2025	Kinh tế nguồn nhân lực
10	Quản lý công : dùng cho đào tạo hệ sau đại học ngành, chuyên ngành Quản lý Kinh tế	Phan Huy Đường chủ biên; Đinh Văn Tiến, Phạm Thị Hồng Diệp, Nguyễn Anh Tuấn	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	2016	Khoa học quản lý
11	Kinh tế phát triển	Phan Minh Tuấn	Xây dựng, 2022	2022	Kinh tế phát triển nâng cao
12	Economics of development : theory and evidence	A.P. Thirlwall, Penélope Pacheco-López	Bloomsbury Academic, 2022	2022	Kinh tế phát triển nâng cao
13	Sustainable Marketing: The Industry's Role in a Sustainable Future.	Randle, P., & Eyre, A.	Kogan Page, 2024	2024	Marketing bền vững
14	Marketing Management, Global Edition (15th Global ed.).	Kotler, P., & Keller, K	Pearson, 2022	2022	Marketing địa phương
15	Practical Panel Modelling With Applications In Islamic Banking And Finance Research	(Mansor Ibrahim, Tika Arundina (2022),	National Committee of Islamic Economy and Finance (KNEKS), Indonesia.	2022	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao
16	Dự báo và phân tích dữ liệu trong kinh tế và tài chính	Nguyễn Trọng Hoài	NXB Tài Chính	2014	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
17	Giáo trình Kinh tế Đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2007	2007	Kinh tế đầu tư nâng cao
18	Public Finance and Public Policy (Seventh Edition)	Jonathan Gruber	Worth Publishers, 2022	2022	Tài chính công nâng cao
19	Public finance (10th ed.)	Rosen, H. S., & Gayer, T.	McGraw-Hill Education, 2014	2021	Tài chính công nâng cao
20	Valuation: principles into practice	Hayward, R. (Ed.)	Taylor & Francis, 2014	2014	Thẩm định và Quản lý đầu tư công

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
21	Sustainable Development	Jeffrey D. Sachs	Columbia University Press, 2015	2015	Phát triển bền vững nâng cao
22	Giáo trình kinh tế số	Trần Thị Ái Cẩm	NXB Xây dựng	2024	Kinh tế số và quản lý kinh tế số
23	OECD Digital Government Studies	OECD	OECD Publishing.	2024	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
24	The Digital Transformation Playbook: Rethink Your Business for the Digital Age	David L. Rogers	Columbia Business School Publishing., 2016	2016	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
25	Multiple Criteria Decision-Making Methods: Applications for Managerial Discretion (Vol. 14).	Anand, A., Agarwal, M., & Aggrawal, D. (2022).	Walter de Gruyter GmbH & Co KG.	2022	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công
26	Mô hình tăng trưởng dựa vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2021-2030	Bùi Quang Tuấn - Hà Huy Ngọc	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021	Mô hình kinh tế mới

3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT

TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Trần Văn Hùng	PGS, 2022	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế học	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
					Mô hình kinh tế mới
					Chuyên đề thực tế 1
2	Đoàn Ngọc Phúc	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế học	Kinh tế phát triển nâng cao
					Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao
					Chuyên đề thực tế 1

TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghệ, nơi tốt nghệ	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
3	Phạm Ngọc Dưỡng	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế học	Kinh tế vi mô nâng cao Kinh tế quốc tế nâng cao
4	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế học	Phát triển bền vững nâng cao Kinh tế đầu tư nâng cao Chuyên đề thực tế 2
5	Cao Tấn Huy		Tiến sĩ, Việt Nam 2020	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế nâng cao
6	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, 2019	Kinh tế/Quản lý kinh tế	Kinh tế vi mô nâng cao Marketing địa phương
7	Huỳnh Thế Nguyễn	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế học	Kinh tế vĩ mô nâng cao Kinh tế số và quản lý kinh tế số
8	Ngô Sĩ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	Quản lý liên kết và phát triển vùng, địa phương Mô hình kinh tế mới
9	Nguyễn Tấn Hưng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	Triết học
10	Lại Văn Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Triết học	Triết học
11	Trần Đình Phụng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Toán	Phương pháp nghiên cứu khoa học
12	Nguyễn Tuấn Duy	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Toán giải tích	Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế số và quản lý kinh tế số
13	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản trị kinh doanh	Kinh tế vĩ mô nâng cao Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
14	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	Kinh tế đầu tư nâng cao
15	Bùi Thị Thu Thảo		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kinh tế/Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế học khu vực công Kinh tế nguồn nhân lực

TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
16	Nguyễn Thế Khang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công
					Phát triển bền vững nâng cao
17	Bảo Trung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	Marketing địa phương
18	Trương Thành Công		Tiến sĩ, Czech, 2021	Khoa học máy tính, Công nghệ truyền thông và Toán ứng dụng	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao
19	Phạm Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý kinh tế	Kinh tế nguồn nhân lực
					Nghiên cứu tình huống
20	Nguyễn Quang Minh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế TCNH	Tài chính công nâng cao
21	Ngô Thị Hồng Giang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	Kinh tế phát triển nâng cao
22	Nguyễn Đức Hải		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế học khu vực công
					Quản lý liên kết và phát triển vùng, địa phương
23	Nguyễn Minh Ngọc	PGS, 2020	Tiến sĩ, 2012	Kinh tế	Pháp luật kinh tế
					Chuyên đề thực tế 2
24	Nguyễn Thanh Nhã		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công nâng cao
					Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công
25	Tô Đông Hà		Tiến sĩ, Việt Nam 2023	Luật kinh tế	Pháp luật kinh tế

4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn đề án tốt nghiệp

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành học	Ghi chú
1	Trần Văn Hùng	PGS, 2022	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế	
2	Đoàn Ngọc Phúc	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế	

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành học	Ghi chú
3	Phạm Ngọc Dưỡng	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế	
4	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế học	
5	Cao Tấn Huy		Tiến sĩ, Việt Nam 2020	Kinh tế học	
6	Huỳnh Thế Nguyễn	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế học	
7	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế/Quản lý kinh tế	
8	Ngô Sỹ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	
9	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, Phillipines, 2018	Quản trị kinh doanh	
10	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	
11	Nguyễn Thế Khang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế	
12	Bảo Trung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	
13	Trương Thành Công		Tiến sĩ, Czech, 2021	Khoa học máy tính, Công nghệ truyền thông và Toán ứng dụng	
14	Phạm Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý kinh tế	
15	Ngô Thị Hồng Giang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	
16	Nguyễn Minh Ngọc	PGS, 2020	Tiến sĩ, 2012	Kinh tế	

5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	Nguyễn Nữ Thánh Tâm	Thư ký Khoa	Viện Kinh tế chính trị quốc tế	
2	Trần Văn Tuấn	Chuyên viên	Viện Đào tạo Sau đại học	
3	Đỗ Minh Hương	Chuyên viên	Viện Đào tạo Sau đại học	
4	Huỳnh Thị Mỹ Diệu	Chuyên viên	Viện Đào tạo Sau đại học	
5	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	Chuyên viên	Viện Đào tạo Sau đại học	

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)

Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mệnh của Trường

Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

[illegible]

TLGD, SM	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.										

Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Kinh tế học với chương trình đào tạo của các trường khác

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	
	Học phần	TC		Học phần	TC
I.	Kiến thức chung	7			
1	Triết học	4		Triết học	4
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		Phương pháp nghiên cứu	2
II.	Kiến thức ngành và chuyên ngành	45			
2.1	Kiến thức bắt buộc	30			
3	Kinh tế vi mô nâng cao	3		Kinh tế vi mô ứng dụng	3
4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3		Kinh tế vĩ mô ứng dụng	3
5	Kinh tế học khu vực công	3		Kinh tế công cộng nâng cao	3
6	Pháp luật kinh tế	3		Pháp luật kinh tế	3
7	Kinh tế nguồn nhân lực	3		Kinh tế học quản lý	3
8	Kinh tế phát triển nâng cao	3		Kinh tế phát triển nâng cao	
9	Marketing địa phương	3			3
10	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao	3		Kinh tế lượng	3
11	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3		Dự báo kinh tế	3
12	Chuyên đề thực tế 1	3		Chuyên đề thực tập 1	3
2.2	Chọn 1 trong 2 định hướng sau (15 tín chỉ 4HP)	15			
2.2.1	Định hướng: Kinh tế đầu tư	15			
13	Kinh tế đầu tư nâng cao	3		Kinh tế đầu tư	3
14	Kinh tế quốc tế nâng cao	3		Kinh tế quốc tế	3
15	Tài chính công nâng cao	3		Quản lý đầu tư	3
16	Thẩm định và Quản lý dự án đầu tư công	3		Phân tích chính sách kinh tế	3
17	Chuyên đề thực tế 2	3		Chuyên đề thực tập 2	3
2.2.2	Định hướng Kinh tế phát triển	15			
18	Phát triển bền vững nâng cao	3			
19	Kinh tế số và quản lý kinh tế số	3		Tăng trưởng kinh tế	
20	Quản lý liên kết và phát triển	3			3

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	
	Học phần	TC		Học phần	TC
	kinh tế vùng, địa phương				
21	Mô hình kinh tế mới	3			
22	Chuyên đề thực tế 2	3		Chuyên đề thực tập 2	
III.	Tốt nghiệp	9			9
23	Đề án tốt nghiệp	9		Đề án tốt nghiệp	9
	Tổng cộng	61			60

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: KINH TẾ HỌC

Định hướng nghiên cứu

Thành phố Hồ Chí Minh, 2025

MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. CĂN CỨ XÂY DỰNG.....	1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
3. THÔNG TIN CHUNG.....	2
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	3
4.1. Mục tiêu chung	3
4.2. Mục tiêu cụ thể	3
5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs).....	4
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA.....	4
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:.....	5
7.1. Quy trình đào tạo:	5
7.2. Địa điểm đào tạo:	5
8. TUYỂN SINH:	6
9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:	8
10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	8
11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CĐR CỦA CTĐT	8
12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC	11
13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	13
14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	14
B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	16
C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO	29
1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy.....	29
2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác	30
3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT	32
4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp	34
5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng.....	35
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo).....	36
E. PHỤ LỤC.....	36
Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	36

Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CDR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	36
Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Kinh tế học với chương trình đào tạo của các trường khác	37

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4035/QĐ-ĐHTCM ngày 04 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình độ, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022 /TT-BGDĐT.

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ kết quả khảo sát các bên liên quan về năng lực người học sau tốt nghiệp và nội dung chương trình đào tạo ngành Kinh tế học trình độ thạc sĩ.

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Kinh tế học theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của

các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học, và phù hợp với mục tiêu chiến lược, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 2 năm và 61 tín chỉ, trong đó thực hiện 9 tín chỉ luận văn tốt nghiệp.

Đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình được thông qua.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Kinh tế học

3.2. Trình độ: Thạc sĩ

3.3. Định hướng đào tạo: Nghiên cứu

3.4. Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ

3.5. Mã ngành đào tạo: 8310101

3.6. Thời gian đào tạo: 2 năm

3.7. Loại hình đào tạo: Chính quy

3.8. Số tín chỉ yêu cầu: 61

3.9. Khoa quản lý: Viện Kinh tế chính trị quốc tế

3.10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

3.11. Chứng nhận chất lượng:

3.12. Website:

3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học, định hướng nghiên cứu - Đại học Quốc Gia TP.HCM – Đại học Kinh tế - Luật, Việt Nam.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Kinh tế học – Trường Đại học Mở TP. HCM.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học định hướng nghiên cứu - Đại học Kinh tế quốc dân.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học, định hướng nghiên cứu - Đại học Cần Thơ.

3.14. Năm xây dựng chương trình: 2025

3.15. Vị trí việc làm:

Người học sau khi tốt nghiệp thạc sĩ có thể đảm nhận công việc và làm việc:

1) Công tác giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn và hoạch định chiến lược, phân tích chính sách hoặc các vị trí quản lý cấp cao và cấp trung tại các cơ quan quản lý Nhà nước, các Viện, các Trung tâm nghiên cứu, các Trường Đại học,...

2) Công tác tại các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước, Tổng công ty/doanh nghiệp,... đảm nhận công việc chuyên gia tư vấn, phân tích, hoạch định chiến lược và triển khai thực thi chiến lược.

3) Tự tạo lập công việc, tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng và tự tạo lập doanh nghiệp trong môi trường quốc tế, hội nhập toàn cầu.

4) Tiếp tục tham gia chương trình đào tạo ở bậc cao hơn và tự học tập suốt đời.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học định hướng nghiên cứu nhằm phát triển đội ngũ chuyên gia có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; đồng thời trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu, cập nhật về kinh tế học hiện đại. Chương trình chú trọng bồi dưỡng tư duy khoa học, năng lực sáng tạo trong mô hình hóa và phân tích các vấn đề kinh tế – xã hội, khả năng vận dụng phương pháp luận nghiên cứu định tính – định lượng tiên tiến và tư duy phản biện. Người học được rèn luyện kỹ năng phát hiện vấn đề, thiết kế và triển khai nghiên cứu, xử lý và phân tích dữ liệu, kiểm định giả thuyết và đề xuất giải pháp chính sách hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững. Với định hướng đó, chương trình góp phần thực hiện sứ mạng của Trường Đại học Tài chính – Marketing trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo tinh thần sáng tạo, khác biệt, hiệu quả và bền vững; đáp ứng nhu cầu nhân lực tại cơ quan quản lý nhà nước, viện/trung tâm nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tư vấn chính sách, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế, đồng thời tạo nền tảng học thuật vững chắc để người học tiếp tục phát triển sự nghiệp nghiên cứu và học tập ở bậc tiến sĩ.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức

- **PO1:** Trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu, hiện đại và có tính học thuật cao về kinh tế học, qua đó phát triển tư duy lý thuyết, năng lực mô hình hóa các vấn đề kinh tế – xã hội, chính sách và nhận diện các khuynh hướng nghiên cứu mới của ngành.

- **PO2:** Vận dụng và phân tích các lý thuyết, mô hình và công cụ kinh tế học để giải thích và luận giải các vấn đề kinh tế – xã hội, chính sách ở cấp độ vi mô, vĩ mô và quốc tế; đồng thời hình thành năng lực xây dựng giả thuyết và khung nghiên cứu cho các vấn đề học thuật và thực tiễn.

❖ Về kỹ năng:

- **PO3:** Hình thành và phát triển các kỹ năng nghiên cứu cốt lõi, bao gồm xác định vấn đề, xây dựng mô hình nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, lựa chọn và áp dụng phương pháp định tính – định lượng, phân tích dữ liệu và kiểm định mô hình kinh tế – xã hội.

- **PO4:** Nâng cao tư duy khoa học và tư duy phản biện, khả năng phân tích và đánh giá

các công trình nghiên cứu kinh tế; tổng hợp, diễn giải kết quả nghiên cứu và viết báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế.

- **PO5:** Phát triển năng lực công bố khoa học, bao gồm trình bày kết quả nghiên cứu tại hội thảo khoa học, viết bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành và tham gia các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế học.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

- **PO6:** Phát triển năng lực làm việc độc lập trong nghiên cứu, chủ động đề xuất vấn đề và định hướng nghiên cứu mới; thích ứng với môi trường học thuật đa ngành, đa văn hóa và có khả năng hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, nhóm nghiên cứu trong và ngoài nước.

- **PO7:** Hình thành ý thức tự học và tự nghiên cứu suốt đời; chủ động cập nhật tri thức, đổi mới phương pháp tiếp cận khoa học và xây dựng lộ trình nghề nghiệp phù hợp trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc học thuật, hướng tới khả năng tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Kinh tế học được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

❖ *Về kiến thức:*

- **PLO1:** Tổng hợp và tích hợp lý thuyết, mô hình nghiên cứu và bằng chứng thực nghiệm để xây dựng khung phân tích khoa học đối với các vấn đề kinh tế – xã hội và chính sách, hình thành năng lực học thuật khác biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

- **PLO2:** Đánh giá tác động và hiệu quả của các chính sách kinh tế - xã hội ở các cấp độ ngành, vùng, địa phương và quốc gia dựa trên mô hình hóa và bằng chứng khoa học, hướng tới hiệu quả và phát triển bền vững trong hoạch định và điều hành chính sách.

- **PLO3:** Phân tích và vận dụng thành thạo kiến thức kinh tế học hiện đại để luận giải các vấn đề kinh tế – xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và kinh tế số, đáp ứng yêu cầu đổi mới, sáng tạo và khác biệt trong tư duy khoa học.

- **PLO4:** Vận dụng sáng tạo các mô hình và phương pháp phân tích kinh tế - xã hội, chính sách để giải thích, xử lý và đề xuất mô hình, giải pháp hoặc hàm ý chính sách có giá trị học thuật và thực tiễn, phù hợp định hướng sáng tạo, hiệu quả và bền vững.

❖ *Về kỹ năng:*

- **PLO5:** Thiết kế và triển khai nghiên cứu khoa học độc lập hoặc theo nhóm trong lĩnh vực kinh tế, từ xác định vấn đề, tổng quan tài liệu, xây dựng mô hình, thu thập – xử lý dữ liệu đến viết báo cáo khoa học.

- **PLO6:** Vận dụng thành thạo các phương pháp phân tích định tính – định lượng, công cụ thống kê và phần mềm phân tích dữ liệu tiên tiến (như R, Stata, SPSS, Python hoặc tương đương) để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội và chính sách.

- **PLO7:** Xác định và phân tích các vấn đề kinh tế – xã hội phức tạp dựa trên tiếp cận dữ liệu, bằng chứng thực nghiệm và liên ngành để đề xuất giải pháp hiệu quả và có khả năng áp dụng thực tiễn.

- **PLO8:** Đánh giá và cải tiến hoạt động quản lý kinh tế, chương trình và chính sách nhằm bảo đảm hiệu quả, tính bền vững và phù hợp với bối cảnh phát triển.

❖ **Về mức tự chủ và trách nhiệm:**

- **PLO9:** Chủ động làm việc độc lập trong nghiên cứu, đề xuất vấn đề và định hướng nghiên cứu mới; thích ứng với môi trường học thuật đa ngành, đa văn hóa và có khả năng hợp tác hiệu quả với các nhóm nghiên cứu trong và ngoài nước.

- **PLO10:** Phát triển ý thức tự học, tự nghiên cứu và đổi mới phương pháp tiếp cận khoa học; tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghiên cứu; xây dựng lộ trình nghề nghiệp học thuật hoặc nghiên cứu bền vững, hướng tới khả năng tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 61 tín chỉ

TT	Định hướng nghiên cứu		
	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Khối kiến chung	7	11,48
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	42	68,85
3	Tốt nghiệp	12	19,67
	Tổng	61	100

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

7.1. Quy trình đào tạo:

- Quy trình đào tạo được theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1772/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHTCM-ĐTSDH ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Trường và pháp luật của quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan. Cơ sở đào tạo được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về nghiên cứu công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

7.2. Địa điểm đào tạo:

- Tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.
- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông

tư số 23/2021/BGDĐT ban hành ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về nghiên cứu công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

7.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): không

7.4. Điều kiện tốt nghiệp, bằng cấp và bằng điểm:

a) Điều kiện tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt yêu cầu, đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

b) Cấp bằng, cấp bằng điểm

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. TUYỂN SINH:

8.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Tài chính – Marketing trên cơ sở năng lực đào tạo của Trường đối với trình độ thạc sĩ Ngành Kinh tế học.

8.2. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể 2 học phần:

- + Kinh tế học;

- + Quản trị học.

Lưu ý: Nếu bằng điểm trình độ đại học của người dự tuyển không có học phần Kinh tế học, mà có 2 học phần Kinh tế học vi mô và Kinh tế học vĩ mô thì điểm xét tuyển môn Kinh tế học là trung bình cộng điểm của 2 học phần nói trên. Trường hợp người dự tuyển

tốt nghiệp đại học hệ liên thông, nộp kèm bảng điểm hệ cao đẳng.

8.3. Chuẩn đầu vào:

a) Yêu cầu về văn bằng :

Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, cụ thể:

- Nhóm 1: Ngành Kinh tế học
- Nhóm 2: Các ngành đào tạo ở cùng nhóm với ngành Kinh tế học theo phân loại trong Danh mục mã ngành có mã nhóm ngành là 73101. Cụ thể: Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Quản lý kinh tế.
- Nhóm 3: Không thuộc Nhóm 1 và Nhóm 2 nhưng có liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ chuyên môn của ứng viên như Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế Nông nghiệp, Kinh tế hộ gia đình...
- Nhóm 4: Các trường hợp đặc biệt khác liên quan đến kinh tế.

Có chứng chỉ bổ sung kiến thức theo quy định tại **Mục 8.5**.

b) Yêu cầu thâm niên công tác: Không

c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

8.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a) Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b) Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ. (Các học phần có dấu (*) ở Mục 10).

c) Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- + Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường;
- + Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;
- + Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

8.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

- Nhóm 1: không bổ sung.
- Nhóm 2: bổ sung 02 học phần sau:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2
2	Kinh tế học	3
Tổng		5

- Nhóm 3: bổ sung 04 học phần sau:

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2
2	Kinh tế đầu tư	2
3	Kinh tế học	3
4	Kinh tế phát triển	2
Tổng		9

- Nhóm 4: do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức. Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quyết định.

9. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng Nghiên cứu		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
1. Khối kiến chung				7		
1	S_KTH001	Triết học	Philosophy	4		
2	S_KTH002	Phương pháp nghiên cứu khoa học (*)	Research Methods	3	3	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				42		
2.1	Kiến thức bắt buộc			30		
3	S_KTH003	Kinh tế vi mô nâng cao (*)	Advanced Microeconomics	3	1	

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng Nghiên cứu		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
4	S_KTH004	Kinh tế vĩ mô nâng cao	Advanced Macroeconomics	3		
5	S_KTH005	Kinh tế học khu vực công	Public economics	3		
6	S_KTH006	Pháp luật kinh tế (*)	Economic law	3		
7	S_KTH007	Kinh tế nguồn nhân lực (*)	Human Resource Economics	3		
8	S_KTH008	Kinh tế phát triển nâng cao	Advanced development economics	3	1	
9	S_KTH009	Marketing địa phương	Local Marketing	3		
10	S_KTH010	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao (*)	Advanced Economic and Business Data Analytics	3	1	
11	S_KTH011	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	Economic Analysis, Forecasting and Monitoring	3	1	
12	S_KTH012	Nghiên cứu tình huống	Case study research	3	3	
2.2 Kiến thức chuyên ngành tự chọn:				12		
Chọn: 1 trong 2 định hướng sau (12 tín chỉ 4 học phần)						
<i>A</i>	<i>Định hướng: Kinh tế đầu tư</i>					
13	S_KTH013	Kinh tế đầu tư nâng cao	Advanced investment economics	3	1	
14	S_KTH014	Kinh tế quốc tế nâng cao	Advanced international economics	3		
15	S_KTH015	Tài chính công nâng cao	Advanced public finance	3		
16	S_KTH016	Thẩm định và Quản lý dự án đầu tư công	Public investment project appraisal and management	3	1	
<i>B</i>	<i>Định hướng: Kinh tế Phát triển</i>					
17	S_KTH017	Phát triển bền vững nâng cao	Advanced sustainable development	3	1	
18	S_KTH018	Kinh tế số và quản lý kinh tế số	Digital economy and economic management	3		
19	S_KTH019	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương	Management of linkages and economic development of regions, localities.	3		
20	S_KTH020	Mô hình kinh tế mới	New economic model	3	1	
3. Tốt nghiệp				12		

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng Nghiên cứu		
				Tổng số TC	Phân bố TC	
					NC	TT
21	S_KTH021	Luận văn tốt nghiệp	Thesis	12	12	
	Tổng số tín chỉ khóa học			61	15	

11. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN, KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VỚI CDR CỦA CTĐT

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I	Kiến thức chung										
1	Triết học	R			R						
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	R	R	R		M	M	M		R	R
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
2.1	Kiến thức bắt buộc										
3	Kinh tế vi mô nâng cao	R		M	R		M			R	
4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	R		M	R		M	R		R	
5	Kinh tế học khu vực công	R	M	R			M	R	M		
6	Pháp luật kinh tế		R	R				R	M		R
7	Kinh tế nguồn nhân lực	R		R			M	M	M		
8	Kinh tế phát triển nâng cao	R	M	M	R			R	M		
9	Marketing địa phương	I	R	R				R	R		
10	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao	R	M	M		R	M	R	R		
11	Phân tích, dự báo và giám sát kinh tế	R	M	M		R	M	M	M		
12	Nghiên cứu tình huống	R	M	M	R	M	M	A	M	M	R
2.2	Kiến thức chuyên ngành tự chọn										
<i>a</i>	<i>Định hướng: Kinh tế đầu tư</i>										
13	Kinh tế đầu tư nâng cao	R	M	M	R			R	M		
14	Kinh tế quốc tế nâng cao	R	M	M	R			R	M		
15	Tài chính công nâng cao	R	M	M	R			R	M		
16	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công	R	M	M	M			M	M		
<i>b</i>	<i>Định hướng: Kinh tế Phát triển</i>										
17	Phát triển bền vững nâng cao	R	M	M	R			R	M		

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
18	Kinh tế số và quản lý kinh tế số	R	M	M	M		M	M	M		
19	Quản lý liên kết và phát triển vùng, địa phương	R	M	M	M			M	M		
20	Mô hình kinh tế mới	R	M	M	M			M	M		
III	Tốt nghiệp										
21	Luận văn tốt nghiệp	A	A	A	A	M	M	A	A	A	A

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.

12. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

12.1. Phương pháp giảng dạy

❖ Lý thuyết:

Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt cũng như trao đổi/hỏi lại giảng viên những nội dung chưa rõ.

Thảo luận/đàm thoại: Là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

Phương pháp dạy học theo nhóm: Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp Người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp Người học. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Người học sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo

viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp đóng vai: Phương pháp giảng dạy mà giảng viên thiết lập và đưa ra các tình huống để Người học tham gia đóng vai các vai trò khác nhau. Mục đích chính của phương pháp này là tạo ra một không gian trải nghiệm, giúp Người học học hỏi hiệu quả hơn thông qua việc tham gia vào các tình huống thực tế hoặc giả tưởng. Qua quá trình đóng vai, Người học có cơ hội tương tác với nhau qua các vai diễn, từ đó phát triển các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, ứng xử và làm việc nhóm. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

❖ Thực hành:

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, Người học vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Phương pháp dạy học dự án: Phương pháp này đặt Người học vào các tình huống thực tế cụ thể và yêu cầu họ áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Điều này giúp Người học liên kết kiến thức với thực tế và làm cho quá trình học tập trở nên có ý nghĩa hơn. Trong phương pháp này, Người học phải tích hợp và áp dụng kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết các thách thức trong dự án. Điều này khuyến khích Người học phát triển kỹ năng tìm sự liên kết giữa các môn học và kỹ năng kết nối kiến thức khi Người học tham gia thực tập, thực hành tại doanh nghiệp, khảo sát thực tế, thị trường để viết báo cáo dựa trên các dữ liệu Người học quan sát, thu thập được và đưa ra kết luận về vấn đề.

12.2. Phương pháp học tập của người học

❖ Hướng dẫn tự học:

- Giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu, các nội dung yêu cầu tự học, thông báo về các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về sản phẩm đạt được sau quá trình tự học (báo cáo, thuyết trình, câu hỏi, bài tập...)

- Giảng viên có thể chia nhóm và quy định số lượng thành viên nhóm một cách cụ thể, chỉ định hoặc yêu cầu nhóm chọn ra nhóm trưởng để chịu trách nhiệm về hoạt động nhóm và làm đầu mối thông tin cho giảng viên, kiểm soát việc tự học trong nhóm.

❖ Tự học:

- **Trong trường hợp Tự học theo cá nhân:** Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

- **Trong trường hợp Tự học theo nhóm:**

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

12.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm nhận diện vấn đề marketing của doanh nghiệp cũng như vận dụng các lý thuyết, các phương pháp phù hợp để thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá vấn đề marketing thực tiễn để đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề marketing trong thực tiễn.

12.4 Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy – học tập	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Thuyết giảng	X	X	X	X					X	
Thảo luận/đàm thoại	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp học dựa trên vấn đề			X	X	X	X	X	X	X	X
Phương pháp đóng vai			X	X			X	X	X	X
Phương pháp dạy học theo dự án			X	X	X	X	X	X	X	X

13. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

13.1. Lý thuyết:

+ Chuyên cần: Người học phải tham dự các buổi học tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Kiểm tra thường xuyên: Người học làm các bài kiểm tra cá nhân, bài tập thảo luận nhóm tại lớp.

+ Thi kết thúc học phần: Người học làm bài thi kết thúc học phần có thể là bài thi trắc nghiệm, tự luận hay tiểu luận.

13.2. Thực hành:

+ Kiểm tra: Người học làm các bài tập thực hành theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên.

+ Thi kết thúc học phần: Người học báo cáo chuyên đề, báo cáo thực hành, thực tập.

13.3 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ Trường hợp đào tạo trong điều kiện bình thường

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
1. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần								X		
1.2 Bài tập thảo luận nhóm	X	X	X	X			X	X	X	
1.3 Kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X		X	X		
1.4. Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH CHUYÊN ĐỀ THỰC TẾ 1, 2 VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP										
Báo cáo nghiên cứu tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo Luận văn tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

❖ Trường hợp đào tạo có xảy ra rủi ro (Dịch bệnh, Thiên tai, vấn đề bất khả kháng khác,...)

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
1. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần								X		
1.2 Bài tập thảo luận nhóm	X	X	X	X			X	X	X	
1.3 Kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X		X	X		
1.4. Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
2.1 Bài thi tự luận	X	X	X	X	X		X			
2.2 Bài thi trắc nghiệm	X	X	X							
B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH CHUYÊN ĐỀ THỰC TẾ 1, 2 VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP										
Báo cáo nghiên cứu tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo Luận văn tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế học được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm. Thời gian tối đa là 4 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

14.1. Tổ chức đào tạo:

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

14.2. Kế hoạch đào tạo:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học	4		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		
3	Kinh tế vi mô nâng cao	3		
4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3		
5	Kinh tế học khu vực công	3		
6	Pháp luật kinh tế	3		
7	Kinh tế nguồn nhân lực	3		
8	Kinh tế phát triển nâng cao	3		
9	Marketing địa phương	3		
10	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao	3		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Phân tích, dự báo và giám sát kinh tế	3		
2	Nghiên cứu tình huống	3		
<i>Định hướng: Kinh tế đầu tư</i>				
3	Kinh tế đầu tư nâng cao	3		
4	Kinh tế quốc tế nâng cao	3		
5	Tài chính công nâng cao	3		
6	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công	3		
<i>Định hướng: Kinh tế phát triển</i>				
3	Phát triển bền vững nâng cao	3		
4	Kinh tế số và quản lý kinh tế số	3		
5	Quản lý liên kết và phát triển vùng, địa phương	3		
6	Mô hình kinh tế mới	3		
	Tốt nghiệp	3		
8	Luận văn tốt nghiệp	12		

B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:**1. Triết học****Tín chỉ: 4**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: củng cố kiến thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nói chung và Marketing nói riêng; giúp người học nâng cao

nhận thức cơ sở triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Học viên có kỹ năng phân tích, so sánh đánh giá để thấy được sự đúng đắn, tính khoa học và cách mạng của triết học Mác - Lênin, đặc biệt là kỹ năng phân tích được sự vận dụng các học thuyết triết học, đặc biệt triết học Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Vận dụng lý luận triết học để tích cực phát hiện và đưa ra những giải pháp phát triển các lĩnh vực kinh doanh và quản lý, cụ thể lĩnh vực marketing phục vụ đường lối kinh tế của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần còn trang bị cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; Nắm vững những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa là hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R).

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần cung cấp hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, bao gồm tư duy nghiên cứu, phương pháp luận định tính – định lượng – hỗn hợp, thiết kế mô hình nghiên cứu và kỹ thuật triển khai nghiên cứu hiện đại. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực xây dựng vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu theo chuẩn mực học thuật, phát triển mô hình và giả thuyết nghiên cứu, thu thập – xử lý dữ liệu, đánh giá luận cứ khoa học và viết báo cáo nghiên cứu. Học phần là nền tảng cốt lõi hỗ trợ người học thiết kế đề cương nghiên cứu, viết bài báo khoa học và thực hiện luận văn thạc sĩ theo chuẩn quốc tế.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào những nội dung cốt lõi của nghiên cứu khoa học trong kinh tế học và các lĩnh vực liên quan, bao gồm: bản chất và quy trình nghiên cứu khoa học; xây dựng và xác định vấn đề nghiên cứu; tìm kiếm, đánh giá và tổng quan tài liệu; các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp; thiết kế mô hình nghiên cứu và giả thuyết; thiết kế biến, thang đo và cấu trúc dữ liệu; phương pháp chọn mẫu, thu thập và xử lý dữ liệu với các công cụ phân tích phổ biến; phương pháp viết báo cáo khoa học, đề cương nghiên cứu và luận văn. Học phần tạo nền tảng phương pháp luận vững chắc để người học triển khai nghiên cứu độc lập hoặc theo nhóm, đáp ứng yêu cầu học thuật của chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu.

+ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO2 (R), PLO3 (R), PLO5 (M), PLO6 (M), PLO7 (M), PLO9 (R), PLO10 (R).

3. Kinh tế vi mô nâng cao Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức nâng cao về hành vi của cá nhân, doanh nghiệp và thị trường trong điều kiện kinh tế hiện đại; giúp người học vận dụng các mô hình kinh tế vi mô tiên tiến để phân tích cấu trúc thị

trường, đánh giá hiệu quả và thất bại thị trường, xác định tác động của chính sách vi mô đến hoạt động kinh tế. Người học được rèn luyện kỹ năng phân tích định lượng, mô phỏng hành vi thị trường, đánh giá tác động chính sách giá – thuế – trợ cấp, từ đó nâng cao năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn và hỗ trợ ra quyết định trong cơ quan quản lý, doanh nghiệp và tổ chức tư vấn. Học phần góp phần phát triển tư duy phân tích, khả năng ứng dụng mô hình vi mô vào bối cảnh thực tiễn và tăng cường năng lực vận dụng sáng tạo trong hoạch định chính sách và chiến lược vi mô.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp các kiến thức nâng cao về: tối ưu hóa hành vi tiêu dùng và sản xuất; mô hình cung – cầu mở rộng; các loại cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh có độc quyền, độc quyền nhóm); nghiên cứu cân bằng từng phần và tổng thể; thất bại thị trường và vai trò điều tiết; phân tích tác động của thuế, trợ cấp, kiểm soát giá, hạn ngạch và các công cụ chính sách vi mô khác. Nội dung được triển khai theo hướng ứng dụng mạnh vào thực tiễn thông qua phân tích dữ liệu, mô phỏng tác động chính sách và thảo luận tình huống thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO3 (M), PLO4 (R), PLO6 (M), PLO7(R).

4. Tên học phần: Kinh tế vĩ mô nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức nâng cao về kinh tế vĩ mô hiện đại, bao gồm các mô hình tăng trưởng kinh tế tân cổ điển và nội sinh, hành vi tiêu dùng – tiết kiệm, đầu tư, mô hình cầu tiền và cân bằng thị trường tiền tệ; các mô hình tổng cung – tổng cầu mở rộng; các lý thuyết về chu kỳ kinh tế và động thái kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn. Học viên được rèn luyện năng lực phân tích, đánh giá tác động của chính sách tài khóa, tiền tệ và thương mại đến các biến số kinh tế vĩ mô; vận dụng mô hình hóa kinh tế để giải thích các hiện tượng kinh tế thực tiễn, từ đó phát triển tư duy nghiên cứu và khả năng phân tích chính sách ở cấp độ vĩ mô

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các mô hình và công cụ phân tích kinh tế vĩ mô, bao gồm: mô hình tăng trưởng kinh tế, mô hình tiêu dùng và tiết kiệm; mô hình tiền tệ, cơ chế truyền dẫn của chính sách kinh tế, phân tích chu kỳ kinh tế và biến động sản lượng. Nội dung tập trung vào việc đánh giá tác động của chính sách kinh tế vĩ mô đối với ổn định kinh tế và tăng trưởng; phân tích các yếu tố quyết định chu kỳ kinh tế; ứng dụng mô hình tăng trưởng và mô hình động vĩ mô để đánh giá các sự kiện kinh tế lịch sử và đương đại. Học phần hỗ trợ học viên phát triển năng lực phân tích, mô hình hóa và đánh giá chính sách - các năng lực cốt lõi của định hướng nghiên cứu trong kinh tế học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO3 (M), PLO4 (R), PLO6 (M), PLO7(R), PLO9 (R).

5. Kinh tế học khu vực công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần trang bị kiến thức nâng cao về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế và các công cụ can thiệp công, nhằm giúp người học phân tích và đánh giá hiệu quả của các chính sách thuế, chi tiêu công và điều tiết kinh tế – xã hội. Trọng tâm của học phần là phát triển năng lực nghiên cứu và phân tích chính sách dựa trên mô hình kinh tế, lý thuyết phúc lợi và bằng chứng thực nghiệm, qua đó hình thành khả năng nhận diện vấn đề, đánh giá tác động chính sách và đề xuất giải pháp phù hợp bối cảnh phát triển bền vững.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần bao gồm các nội dung chính: Cơ sở lý thuyết của kinh tế học khu vực công và vai trò của Nhà nước. Các dạng thất bại thị trường và lý do can thiệp công. Phân tích tác động của thuế, chi tiêu công, trợ cấp và điều tiết. Hiệu quả phân bổ, phúc lợi xã hội và tác động phân phối. Tài chính công, quản trị công và trách nhiệm giải trình. Phân tích và đánh giá chính sách bằng mô hình kinh tế và dữ liệu thực nghiệm. Vấn đề chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập và phát triển bền vững. Học phần chú trọng phân tích tình huống, nghiên cứu chính sách và thảo luận chuyên đề nhằm nâng cao tư duy phản biện và năng lực nghiên cứu của người học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO2 (M), PLO3 (R), PLO6 (M), PLO7 (R), PLO8 (M)

6. Pháp luật kinh tế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học nền tảng kiến thức hệ thống về pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh tế, bao gồm các quy định pháp lý về thị trường, chủ thể kinh doanh, hợp đồng, cạnh tranh, đầu tư, thương mại, đấu thầu, thuế và cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế. Thông qua việc tiếp cận các vấn đề pháp lý gắn với thực tiễn quản lý và vận hành nền kinh tế, học phần giúp người học phân tích, đánh giá và vận dụng khung pháp lý trong giải quyết các vấn đề kinh tế – xã hội; hỗ trợ quá trình nghiên cứu và đề xuất chính sách, phù hợp với định hướng nghiên cứu của chương trình thạc sĩ.

+ Tóm tắt nội dung: Khái quát pháp luật kinh tế và vai trò trong quản lý nhà nước về kinh tế. Khung pháp lý đối với chủ thể kinh doanh và hoạt động thị trường. Pháp luật về hợp đồng, sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp kinh tế. Pháp luật về đầu tư, thương mại, cạnh tranh và đấu thầu. Pháp luật về tài chính – thuế và công cụ điều tiết kinh tế. Pháp luật trong hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách kinh tế – xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2 (R), PLO3 (R), PLO3 (R), PLO7 (M), PLO8 (M), PLO10(R).

7. Kinh tế nguồn nhân lực

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu về các học thuyết và mô hình kinh tế học nguồn nhân lực; phương pháp định lượng và định tính trong phân tích nguồn nhân lực; các tiếp cận nghiên cứu về thị trường lao động,

năng suất lao động và chính sách tiền lương; đồng thời phân tích các vấn đề xã hội liên quan đến việc làm, thất nghiệp và phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh kinh tế số và chuyển đổi cơ cấu lao động. Học phần hướng tới phát triển năng lực phân tích và đánh giá chính sách nguồn nhân lực dựa trên bằng chứng khoa học, phù hợp định hướng nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần bao gồm: Cơ sở lý thuyết và mô hình kinh tế học nguồn nhân lực. Phương pháp xác định nhu cầu và phát triển nguồn nhân lực. Phân tích thị trường lao động, cơ chế cung – cầu lao động. Năng suất lao động, tiền lương và các thiết kế chính sách tiền công. Việc làm, thất nghiệp và các vấn đề xã hội liên quan. Ứng dụng phương pháp phân tích định lượng trong nghiên cứu nguồn nhân lực. Chính sách phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh kinh tế số, toàn cầu hóa và phát triển bền vững.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO3 (R), PLO6 (M), PLO7 (M), PLO8(M).

8. Kinh tế phát triển nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn nâng cao về kinh tế phát triển, giúp hình thành tư duy phân tích, đánh giá và vận dụng các mô hình, công cụ và chính sách phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số và chuyển đổi mô hình tăng trưởng tại các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là Việt Nam. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có khả năng vận dụng các phương pháp phân tích và kỹ năng nghiên cứu để đánh giá vấn đề phát triển, phân tích chính sách và hỗ trợ công tác hoạch định, quản lý phát triển kinh tế ở cấp ngành, vùng, địa phương và quốc gia.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp nền tảng chuyên sâu về các lý thuyết tăng trưởng và phát triển hiện đại; động lực và nguồn lực cho phát triển kinh tế; phát triển con người và phát triển bền vững; tác động của thương mại, đầu tư và hội nhập quốc tế đến tăng trưởng; mô hình phát triển và quá trình chuyển đổi của các nền kinh tế mới nổi. Nội dung học phần kết hợp phân tích tình huống thực tiễn, nghiên cứu trường hợp và minh chứng tại Việt Nam, giúp học viên hiểu rõ bối cảnh, thách thức và định hướng chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững trong giai đoạn mới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO2 (M), PLO3 (M), PLO4 R), PLO7 (R), PLO8(M)

9. Marketing địa phương

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu và có hệ thống về marketing địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và cạnh tranh vùng. Học viên được củng cố tư duy phân tích và năng lực vận dụng các mô hình, công cụ marketing vào việc xây dựng chiến lược phát triển địa phương; nâng cao khả năng

đánh giá, ra quyết định và đề xuất giải pháp phù hợp cho từng nhóm đối tượng mục tiêu. Học phần góp phần phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực marketing địa phương, tạo nền tảng cho việc phân tích chính sách và phát triển mô hình quản lý địa phương theo hướng sáng tạo, hiệu quả và bền vững.

+ Tóm tắt nội dung: Nội dung học phần bao gồm: khái niệm và vai trò của marketing địa phương; các chủ thể tham gia marketing địa phương; quy trình xây dựng chiến lược marketing địa phương; phân tích môi trường cạnh tranh và định vị hình ảnh địa phương; thiết kế chiến lược marketing cho các nhóm đối tượng mục tiêu (nhà đầu tư, du khách, doanh nghiệp, cư dân...); phát triển thương hiệu địa phương; và ứng dụng marketing trong thu hút nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO2 (R), PLO3 (R), PLO7 (R), PLO8(R).

10. Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu chung của học phần: Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng nâng cao về phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh theo chuẩn mực học thuật của chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng lựa chọn, thiết kế và triển khai các phương pháp phân tích định lượng phù hợp với mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu; vận dụng thành thạo các phần mềm phân tích dữ liệu phổ biến (Stata, R, SPSS, EViews hoặc tương đương) trong mô hình hóa, xử lý và phân tích dữ liệu thực chứng. Học phần đồng thời phát triển tư duy nghiên cứu khoa học, năng lực phân tích – đánh giá và diễn giải kết quả theo hướng độc lập, chuẩn mực và có trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu hàn lâm và ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế.

+ Tóm tắt nội dung: Nội dung học phần tập trung vào các kỹ thuật phân tích dữ liệu nâng cao gắn với nghiên cứu thực chứng trong kinh tế và kinh doanh, bao gồm: 1). Phân tích dữ liệu sơ cấp như kiểm định độ tin cậy và giá trị thang đo; phân tích nhân tố khám phá (EFA); phân tích nhân tố khẳng định (CFA); mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). 2) Phân tích dữ liệu thứ cấp như Mô hình hồi quy đa biến nâng cao. Phân tích chuỗi thời gian. Dữ liệu bảng (panel) và các kiểm định liên quan. Kiểm định giả thuyết, mô hình hóa và diễn giải kết quả trong nghiên cứu thực chứng. Học phần được thiết kế nhằm tăng cường năng lực phân tích dữ liệu, phát triển tư duy phản biện và khả năng ra quyết định dựa trên bằng chứng, đáp ứng yêu cầu của nghiên cứu học thuật (academic research) và nghiên cứu ứng dụng (applied research) trong kinh tế – quản lý.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO2 (M), PLO3 (M), PLO5(R), PLO6(M), PLO7 (R), PLO8(R).

11. Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần được xây dựng nhằm trang bị cho học viên kiến thức

chuyên sâu về phân tích hiện tượng kinh tế, dự báo xu hướng kinh tế trong tương lai và giám sát việc thực thi các chỉ tiêu và chính sách kinh tế ở cấp quốc gia, ngành, vùng lãnh thổ và doanh nghiệp. Học phần nhấn mạnh tư duy nghiên cứu định hướng bằng chứng, phát triển năng lực ứng dụng các mô hình định lượng trong dự báo kinh tế, khả năng thiết kế và đánh giá hệ thống chỉ tiêu giám sát kinh tế – xã hội, cùng với việc vận dụng thành thạo các phương pháp phân tích dữ liệu và phần mềm thống kê – kinh tế lượng (Stata, Eviews, SPSS,...).

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về phân loại dự báo kinh tế và yêu cầu đối với dự báo khoa học; đặc điểm của dữ liệu kinh tế (chuỗi thời gian, dữ liệu chéo, dữ liệu hỗn hợp) và các phương pháp thu thập – xử lý dữ liệu phục vụ nghiên cứu; các mô hình dự báo và phân tích định lượng như hồi quy kinh tế lượng, mô hình ARIMA, mô hình dự báo xu thế, phân tích sai số dự báo; phương pháp dự báo định tính phục vụ nghiên cứu chính sách. Nội dung giám sát kinh tế bao gồm hệ thống chỉ tiêu giám sát, so sánh thực tế với mục tiêu, phân tích nguyên nhân sai lệch, đánh giá mức độ hiệu quả và tác động của chính sách kinh tế. Học phần tăng cường kỹ năng xử lý, trực quan hóa dữ liệu, trình bày và diễn giải kết quả dự báo theo tiêu chuẩn học thuật, đồng thời hướng dẫn viết báo cáo phân tích và dự báo kinh tế đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và hoạch định chính sách.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO2 (M), PLO3 (M), PLO5(R), PLO6(M), PLO7 (M), PLO8(M).

12. Nghiên cứu tình huống Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên hệ thống kiến thức và năng lực nghiên cứu chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu tình huống trong lĩnh vực kinh tế và quản lý, giúp học viên có khả năng trình bày và giải thích cơ sở lý thuyết – phương pháp – quy trình nghiên cứu tình huống; thiết kế nghiên cứu phù hợp với mục tiêu khoa học, bao gồm xác định vấn đề, câu hỏi nghiên cứu, khung phân tích và phương pháp thu thập – xử lý dữ liệu; phân tích và đánh giá tình huống kinh tế – quản lý dựa trên tư duy phản biện và bằng chứng khoa học; đề xuất giải pháp, hàm ý chính sách hoặc chiến lược có giá trị học thuật và thực tiễn; đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu độc lập thông qua seminar nghiên cứu, thực hành phân tích dữ liệu, viết học thuật (academic writing) và kỹ năng công bố khoa học (publication skills), bảo đảm tuân thủ đạo đức học thuật, tính minh bạch và chuẩn mực trong hoạt động nghiên cứu.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp nền tảng lý thuyết và phương pháp luận về nghiên cứu tình huống (Case Study Research) trong kinh tế và quản lý, bao gồm: bản chất, vai trò và phân loại nghiên cứu tình huống; tiêu chí đánh giá chất lượng nghiên cứu tình huống; quy trình thiết kế nghiên cứu từ xác định vấn đề – câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết đến lựa chọn phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu định tính, định lượng hoặc hỗn hợp; phân tích và so sánh các tình huống kinh tế – quản lý thực tiễn trong nước và quốc tế; hướng dẫn xây dựng báo cáo nghiên cứu tình huống theo chuẩn học thuật, gắn với định hướng đề tài luận văn. Học phần được triển khai qua seminar nghiên cứu, phân tích tình huống, thảo luận phản biện, coaching học thuật và thực hành viết báo cáo

ngiên cứu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO2(M), PLO3 (M), PLO4 (R), PLO5 (M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(M), PLO9 (M), PLO10(R).

13. Kinh tế đầu tư nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần này cung cấp cho học viên nắm vững và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về các vấn đề về nguồn vốn đầu tư, môi trường đầu tư, chính sách khuyến khích đầu tư, quản lý nhà nước về đầu tư công và đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), cũng như quản lý đầu tư theo chu trình dự án. Đồng thời, giúp học viên định hình được các giải pháp quản lý đầu tư phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nói chung trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi số.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về lý thuyết và thực tiễn hoạt động đầu tư như các lý thuyết kinh tế về đầu tư; phân tích các nguồn huy động vốn trong nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn ODA, và điều kiện huy động hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; các nguyên tắc quản lý đầu tư và phương pháp lập kế hoạch đầu tư từ dưới lên, vai trò điều tiết vĩ mô của nhà nước; các chỉ số đánh giá môi trường đầu tư; các vấn đề về đầu tư công; phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư ở tầm vĩ mô; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp: chiến lược đầu tư, quyết định đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, đầu tư mở rộng và đổi mới công nghệ

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO8(M).

14. Kinh tế quốc tế nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa và đổi mới mô hình tăng trưởng. Người học được phát triển năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo các mô hình kinh tế quốc tế để giải thích các dòng chảy thương mại – đầu tư – tài chính xuyên biên giới; đồng thời hình thành tư duy phản biện và khả năng đề xuất hàm ý chính sách hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ doanh nghiệp, ngành, vùng và quốc gia.

❖ Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về bản chất của quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa, bao gồm: Phân tích xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa và dòng chảy nguồn lực kinh tế quốc tế; nghiên cứu các lý thuyết và mô hình đánh giá lợi thế so sánh và chuyên môn hóa trong thương mại quốc tế; phân tích lợi thế cạnh tranh quốc gia thông qua mô hình Kim cương (Porter) và mô hình Năng lực cạnh tranh toàn cầu của WEF; đánh giá cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế; phân tích vai trò của các định chế kinh tế toàn cầu và khu vực; nghiên cứu khủng hoảng kinh tế, xu hướng chủ nghĩa bảo hộ mới và phản ứng chính sách của các quốc gia; phân tích yêu cầu cải cách thể chế, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững

trong hội nhập quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO8(M).

15. Tên học phần: Tài chính công nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung

+ Mục tiêu học phần: Học phần được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn quản lý tài chính công, bao gồm thuế, chi tiêu công, và nợ công. Hiểu rõ các công cụ tài chính công và chính sách tài khóa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Phân tích, đánh giá hiệu quả các chính sách tài chính công trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá chính sách tài chính công dựa trên các mô hình định lượng và phương pháp nghiên cứu hiện đại. Rèn luyện tư duy phản biện và khả năng đưa ra các giải pháp sáng tạo để giải quyết các thách thức tài chính công.

+ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Tài chính công nâng cao nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến tài chính công trong quản trị nhà nước hiện đại. Nội dung học phần bao gồm phân tích hệ thống thuế và chi tiêu công, các chiến lược quản lý nợ công bền vững, và các mô hình cải cách tài chính công. Đặc biệt, học phần tập trung vào vai trò và các công cụ của tài chính công trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo công bằng và hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu hóa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4 (R), PLO7 (R), PLO8(M).

16. Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần giúp học viên nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến quá trình lập, phân tích, thẩm định và quản lý dự án đầu tư công theo chuẩn mực quốc tế, các khung phân tích hiện đại và quy định pháp lý tại Việt Nam. Trọng tâm của học phần là phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng trong đánh giá dự án công thông qua mô hình hóa tài chính – kinh tế, phân tích định lượng, phân tích rủi ro và giám sát hiệu quả đầu tư công. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có khả năng thiết kế và thực hiện các phân tích thẩm định đa chiều (pháp lý, kỹ thuật, tài chính, kinh tế – xã hội, môi trường), vận dụng tư duy phản biện để đánh giá hiệu quả dự án, và đề xuất giải pháp quản lý dự án công dựa trên bằng chứng, đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và bền vững trong quản lý đầu tư công.

+ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày hệ thống kiến thức và kỹ thuật chuyên sâu về lập và thẩm định dự án đầu tư công, gồm: phân tích nhu cầu và thị trường; đánh giá kỹ thuật và công nghệ; phân tích tài chính dự án; phân tích chi phí – lợi ích kinh tế – xã hội; thẩm định rủi ro và tính bền vững của dự án. Nội dung tiếp tục mở rộng sang quản lý và giám sát vòng đời dự án công theo các khung quản trị hiện đại (RBM, khung logic, quản lý rủi ro, đánh giá tác động). Học phần sử dụng các tình huống thực tiễn, mô phỏng và bài

tập nghiên cứu nhằm phát triển năng lực thẩm định, phân tích chính sách và quản lý dự án đầu tư công trong thực tế..

❖ Đáp ứng Chuẩn đầu ra của học phần: PLO1 (R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4 (M), PLO7 (M), PLO8(M).

17. Phát triển bền vững nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên nền tảng lý thuyết chuyên sâu và năng lực nghiên cứu về phát triển kinh tế bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và yêu cầu tái cơ cấu mô hình tăng trưởng. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có khả năng: làm chủ và vận dụng các lý thuyết, mô hình và tiếp cận nghiên cứu hiện đại liên quan đến phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp và phát triển bao trùm; phân tích và đánh giá dựa trên bằng chứng khoa học về các tác động kinh tế – xã hội – môi trường của chính sách và mô hình phát triển; xây dựng lập luận khoa học và đề xuất hàm ý chính sách phù hợp với bối cảnh Việt Nam và xu hướng quốc tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và cam kết phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050.

+ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp hệ thống lý thuyết nâng cao và các tiếp cận nghiên cứu hiện đại về phát triển bền vững, bao gồm: khung lý thuyết và mô hình tăng trưởng bền vững; hệ thống chỉ tiêu đo lường và đánh giá phát triển bền vững; các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (SDGs) và xu hướng dịch chuyển mô hình tăng trưởng toàn cầu; chính sách tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp, công bằng xã hội và quản trị môi trường; vai trò của Nhà nước, thị trường và các chủ thể liên quan trong thúc đẩy phát triển bền vững; các công cụ kinh tế, tài chính – ngân sách, công nghệ và thể chế hỗ trợ thực thi chiến lược phát triển bền vững. Học phần nhấn mạnh năng lực nghiên cứu thông qua vận dụng phương pháp phân tích kinh tế, đánh giá tác động chính sách, phân tích so sánh quốc tế, nghiên cứu tình huống và thảo luận học thuật nhằm kết nối lý thuyết với thực tiễn phát triển bền vững tại Việt Nam và thế giới.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(R), PLO7(R), PLO8(M).

18. Kinh tế số và quản lý kinh tế số

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho người học nền tảng lý thuyết và tư duy hệ thống về kinh tế số, giúp phân tích, đánh giá và hoạch định chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và toàn cầu. Học viên được phát triển năng lực hiểu rõ bản chất kinh tế số, vai trò của dữ liệu và công nghệ số (AI, Blockchain, IoT, Big Data) đối với mô hình tăng trưởng mới; phân tích các mô hình kinh doanh số và hiệu ứng kinh tế của nền tảng; đồng thời hình thành tư duy quản lý kinh tế số ở cả cấp độ nhà nước và doanh nghiệp, hướng tới nâng cao hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

+ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về lý thuyết, thực tiễn và quản lý kinh tế số, bao gồm: nền tảng lý luận về kinh tế số và vai trò của dữ liệu trong mô hình tăng trưởng mới; hạ tầng số, nền tảng số, hệ sinh thái kinh tế số và đổi mới mô hình kinh doanh trong môi trường số; đặc trưng hàng hóa – dịch vụ số, mô hình kinh doanh và tạo giá trị số (chuỗi giá trị số, hệ sinh thái nền tảng, hiệu ứng mạng, phụ thuộc lối mòn); chính sách, thể chế và quy định quản lý kinh tế số; quản trị và chuyển đổi số trong doanh nghiệp (chiến lược số, khai thác dữ liệu lớn, phân tích hành vi khách hàng, digital marketing, quản trị hệ thống thông tin); và thực tiễn phát triển kinh tế số tại Việt Nam và bài học kinh nghiệm quốc tế. Học viên được vận dụng phân tích tình huống, thảo luận chuyên đề và đánh giá chính sách về kinh tế số và quản lý kinh tế số để gắn lý thuyết với thực tiễn.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M).

19. Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Mục tiêu học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu về quản lý liên kết vùng và phát triển kinh tế – xã hội ở các vùng và địa phương, trên cơ sở tiếp cận lý thuyết hiện đại và các mô hình phân tích kinh tế liên vùng. Học phần chú trọng bồi dưỡng năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng bằng chứng thực nghiệm trong hoạch định chiến lược phát triển vùng; đồng thời hình thành tư duy khoa học trong đánh giá mức độ liên kết kinh tế, thiết kế các giải pháp quản trị phát triển vùng hiệu quả và bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể vận dụng lý thuyết, mô hình và dữ liệu thực tế để phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp tăng cường liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần giới thiệu các vấn đề cốt lõi về quản lý liên kết kinh tế vùng và phát triển kinh tế – xã hội địa phương, bao gồm: cơ sở lý thuyết về liên kết vùng; các mô hình phát triển kinh tế vùng; các công cụ phân tích kinh tế lãnh thổ; phương pháp đánh giá liên kết kinh tế; cơ chế phối hợp vùng; và các thực tiễn quản lý phát triển vùng trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Trên nền tảng đó, học viên được rèn luyện khả năng áp dụng phương pháp và công cụ phân tích để đánh giá mức độ liên kết, hiệu quả mô hình kinh tế vùng và đề xuất giải pháp chính sách phù hợp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M).

20. Mô hình kinh tế mới

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

+ Mục tiêu chung của học phần: Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và cập nhật về các mô hình kinh tế hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Học viên được phát triển năng lực nghiên

cứu học thuật, tư duy phân tích – đánh giá mô hình kinh tế dựa trên cơ sở lý thuyết, bằng chứng thực nghiệm và kinh nghiệm quốc tế. Học phần hướng đến việc hình thành khả năng luận giải khoa học, so sánh mô hình, phân tích tác động chính sách và đề xuất định hướng chuyển đổi mô hình kinh tế – kinh doanh dựa trên tiếp cận dữ liệu, tư duy nghiên cứu và thực chứng. Sau khi hoàn thành, người học có thể nhận diện động lực hình thành, cơ chế vận hành, ưu–nhược điểm và hàm ý cải cách mô hình kinh tế mới phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

+ Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp khung lý thuyết về sự hình thành, vận động và chuyển đổi mô hình kinh tế dưới tác động của các cuộc Cách mạng công nghiệp (1.0–4.0) và những xu hướng kinh tế mới. Các nội dung chính gồm: Sự tiến hóa của mô hình kinh tế từ truyền thống đến hiện đại; Mô hình kinh tế số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; Kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ, kinh tế nền tảng; Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và mô hình tăng trưởng bền vững; Kinh tế bao trùm và các mô hình phát triển mới trong thế kỷ 21. Học viên được tiếp cận học phần dưới góc độ nghiên cứu học thuật, kết hợp thảo luận học thuật, phân tích mô hình, nghiên cứu tình huống và ứng dụng phương pháp nghiên cứu định tính–định lượng để đánh giá tính phù hợp, hiệu quả, điều kiện vận hành và hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M).

21. Luận văn tốt nghiệp

Tín chỉ: 12

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định hiện hành về thực hiện Luận văn tốt nghiệp của Trường.

❖ Mục tiêu của học phần và tóm tắt nội dung:

+ Mục tiêu của học phần: Học phần nhằm giúp học viên thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học độc lập mang định hướng học thuật trong lĩnh vực kinh tế học, trên cơ sở vận dụng tổng hợp kiến thức lý thuyết, phương pháp luận và kỹ năng nghiên cứu tích lũy từ các học phần chuyên môn và nghiên cứu của CTĐT.

Học viên phải thể hiện năng lực: Xác định và luận giải vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa lý thuyết và thực tiễn; Thiết lập mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết phù hợp với khung lý thuyết và mô hình nghiên cứu; Xây dựng nền tảng lý thuyết, lựa chọn mô hình và thiết kế phương pháp nghiên cứu (định tính, định lượng hoặc hỗn hợp) dựa trên các học phần như phương pháp nghiên cứu khoa học, phân tích dữ liệu nâng cao, phân tích – dự báo kinh tế; thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu bằng các kỹ thuật và phần mềm nghiên cứu kinh tế hiện đại; Diễn giải, đánh giá và phản biện kết quả nghiên cứu, thể hiện tư duy khoa học và tư duy kinh tế bậc cao; Đề xuất đóng góp mới về lý thuyết, bằng chứng thực nghiệm và/hoặc hàm ý chính sách (nếu phù hợp); Tuân thủ nghiêm ngặt đạo đức nghiên cứu, chuẩn mực học thuật, tính trung thực và nguyên tắc minh bạch dữ liệu. Học phần giúp học viên phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, tạo nền tảng vững chắc cho việc công bố khoa học hoặc tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ.

+ Tóm tắt nội dung: Luận văn tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học độc lập theo định hướng học thuật, tập trung giải quyết một vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực kinh

tế học. Nội dung chính bao gồm: 1). Xác định vấn đề nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu từ tổng quan tài liệu; 2). Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, phát triển khung lý thuyết và mô hình nghiên cứu; 3). Thiết lập câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu; 4). Lựa chọn và thiết kế phương pháp nghiên cứu phù hợp (định tính, định lượng hoặc hỗn hợp); 5). Thu thập, mô tả, xử lý và phân tích dữ liệu bằng các kỹ thuật phù hợp (kinh tế lượng, phân tích định tính, mô hình dự báo...); 6). Thảo luận kết quả, đánh giá độ tin cậy và rút ra kết luận khoa học; 7). Xác định đóng góp lý thuyết, thực nghiệm và đề xuất hàm ý chính sách; 8). Trình bày hạn chế của nghiên cứu và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo. Luận văn phải tuân thủ quy định về cấu trúc, trích dẫn, đạo đức nghiên cứu và chuẩn mực trình bày của cơ sở đào tạo. Toàn bộ nội dung phải do học viên tự thực hiện, đảm bảo tính nguyên gốc, trung thực và chưa từng công bố trước đó.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(A), PLO2(A), PLO3(A), PLO4(A), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(A), PLO8(A), PLO9(A), PLO10(M)./.

Viện trưởng
Viện Kinh tế chính trị quốc tế



Lại Văn Nam



Hiệu trưởng



Phạm Tiến Đạt

C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn)	ĐH Quốc gia Hà Nội	Chính trị Quốc gia sự thật, 2018	2018	Triết học
2	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nguyễn Huy Hoàng	NXB Tài chính, 2022	2022	Phương pháp NCKH
3	Giáo trình Kinh tế vi mô nâng cao	Tô Trung Thành	NXB Đại học Kinh tế quốc dân., 2022	2022	Kinh tế vi mô nâng cao
4	Kinh Tế Học Vĩ Mô	N. Gregory Mankiw	Hồng Đức, 2021	2021	Kinh tế vĩ mô nâng cao
5	Giáo trình Khu vực công và Quản lý công	Đỗ Thị Hải Hà	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2022	2022	Kinh tế học khu vực công
6	Luật đầu tư công 2024 và Luật Kinh Tế	Quốc hội 15 và Nguyễn Thị Dung	NXB CTQG và NXB Tư Pháp, 2024	2024	Pháp luật về kinh tế
7	Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực	Trần Xuân Cầu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019	2019	Kinh tế nguồn nhân lực
8	Kinh tế phát triển	Vòng Thịnh Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2022	2022	Kinh tế phát triển nâng cao
9	Giáo trình Marketing địa phương	Trần Nguyễn Khánh Hải và Nguyễn Ngọc Hạnh (đồng chủ biên)	NXB Tài chính, 2025	2025	Marketing địa phương
10	Giáo trình Thực hành Nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	2019	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao
11	Dự báo và chính sách kinh tế	Nicolas Carnot, Vincent Koen, Bruno Tissot	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2024	2024	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
12	Giáo trình Kinh tế Đầu tư	PGS. TS Phạm Văn Hùng, TS Nguyễn Thị Ái Liên	Đại học Kinh tế quốc dân, 2024	2024	Kinh tế đầu tư nâng cao

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
13	Giáo trình Kinh tế học quốc tế nâng cao	Từ Thúy Anh	NXB Thông tin và Truyền thông	2024	Kinh tế quốc tế nâng cao
14	Giáo trình tài chính công	TS Nguyễn Thế Khang (Trường UFM)	Tài chính, 2024	2024	Tài chính công nâng cao
15	Giáo trình phân tích và quản lý dự án đầu tư	Thái Bá Cẩn	NXB Giáo dục, 2017	2017	Thẩm định và Quản lý đầu tư công
16	Giáo trình Phát triển bền Vững	Nguyễn Thế Khang	Hồng Đức, 2025	2025	Phát triển bền vững nâng cao
17	Giáo trình kinh tế số	Trần Thị Ái Cẩm	NXB Xây dựng	2024	Kinh tế số và quản lý kinh tế số
18	Planning Local Economic Development: Theory and Practice Seventh Edition	Nancey Green Leigh	Sage Publications	2024	Quản lý liên kết và phát triển kinh tế vùng, địa phương
19	Giáo trình Giới thiệu lý thuyết mô hình kinh tế.	Nguyễn Khắc Minh (chủ biên), Bùi Duy Phú, Đào Văn Khiêm.	Nxb. Tài chính.	2020	Mô hình kinh tế mới

2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình triết học: Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học	Bộ giáo dục và đào tạo	Đại học Sư phạm, 2014	2014	Triết học
2	Lịch sử triết học phương Đông	Nguyễn Đăng Thục	NXB Hồng Đức, 2017	2017	Triết học
3	Giáo trình Thực hành Nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	2019	Phương pháp NCKH
4	Giáo trình Sau đại học Phương pháp Nghiên cứu Khoa học trong Kinh doanh- Cập nhật SmartPLS	Bùi Nhất Vương, Hà Nam Khánh Giao	NXB Kinh tế, 2024	2024	Phương pháp NCKH

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
5	Business research methods	Emma Bell; Alan Bryman; Bill Harley	Oxford University Press, 2022	2019	Phương pháp NCKH
6	Principles of Macroeconomics, 10th Edition	N. Gregory Mankiw	Cengage, 2024	2024	Kinh tế vĩ mô nâng cao
7	Advanced Macroeconomics, 5th Edition,	Romer, D.	McGraw-Hill, 2019	2019	Kinh tế vĩ mô nâng cao
8	Kinh tế khu vực công	Trần Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Hải	Nxb. CTQG, 2015	2015	Kinh tế khu vực công
9	Principles of Management. fifteen Edition.	Stephen P. Robbins & Mary Coulter.	Pearson Publishing, 2025	2025	Kinh tế nguồn nhân lực
10	Quản lý công : dùng cho đào tạo hệ sau đại học ngành, chuyên ngành Quản lý Kinh tế	Phan Huy Đường chủ biên; Đinh Văn Tiến, Phạm Thị Hồng Điệp, Nguyễn Anh Tuấn	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	2016	Khoa học quản lý
11	Kinh tế phát triển	Phan Minh Tuấn	Xây dựng, 2022	2022	Kinh tế phát triển nâng cao
12	Economics of development : theory and evidence	A.P. Thirlwall, Penélope Pacheco-López	Bloomsbury Academic, 2022	2022	Kinh tế phát triển nâng cao
13	Sustainable Marketing: The Industry's Role in a Sustainable Future.	Randle, P., & Eyre, A.	Kogan Page, 2024	2024	Marketing bền vững
14	Marketing Management, Global Edition (15th Global ed.).	Kotler, P., & Keller, K	Pearson, 2022	2022	Marketing địa phương
15	Practical Panel Modelling With Applications In Islamic Banking And Finance Research	(Mansor Ibrahim, Tika Arundina (2022),	National Committee of Islamic Economy and Finance (KNEKS), Indonesia.	2022	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao
16	Dự báo và phân tích dữ liệu trong kinh tế và tài chính	Nguyễn Trọng Hoài	NXB Tài Chính	2014	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
17	Giáo trình Kinh tế Đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2007	2007	Kinh tế đầu tư nâng cao
18	Public Finance and Public Policy (Seventh Edition)	Jonathan Gruber	Worth Publishers, 2022	2022	Tài chính công nâng cao

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
19	Public finance (10th ed.)	Rosen, H. S., & Gayer, T.	McGraw-Hill Education, 2014	2021	Tài chính công nâng cao
20	Valuation: principles into practice	Hayward, R. (Ed.)	Taylor & Francis, 2014	2014	Thẩm định và Quản lý đầu tư công
21	Sustainable Development	Jeffrey D. Sachs	Columbia University Press, 2015	2015	Phát triển bền vững nâng cao
22	Giáo trình kinh tế số	Trần Thị Ái Cẩm	NXB Xây dựng	2024	Kinh tế số và quản lý kinh tế số
23	OECD Digital Government Studies	OECD	OECD Publishing.	2024	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
24	The Digital Transformation Playbook: Rethink Your Business for the Digital Age	David L. Rogers	Columbia Business School Publishing., 2016	2016	Quản lý chuyển đổi số trong khu vực công
25	Multiple Criteria Decision-Making Methods: Applications for Managerial Discretion (Vol. 14).	Anand, A., Agarwal, M., & Aggrawal, D. (2022).	Walter de Gruyter GmbH & Co KG.	2022	Mô hình ra quyết định quản lý và quản lý sự thay đổi khu vực công
26	Mô hình tăng trưởng dựa vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2021-2030	Bùi Quang Tuấn - Hà Huy Ngọc	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021	Mô hình kinh tế mới

3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT

TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Trần Văn Hùng	PGS, 2022	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế học	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế Mô hình kinh tế mới
2	Đoàn Ngọc Phúc	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế học	Kinh tế phát triển nâng cao Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao

TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghệp, nơi tốt nghệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
3	Phạm Ngọc Dưỡng	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế học	Kinh tế vi mô nâng cao
					Kinh tế quốc tế nâng cao
4	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế học	Phát triển bền vững nâng cao
					Kinh tế đầu tư nâng cao
5	Cao Tấn Huy		Tiến sĩ, Việt Nam 2020	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế nâng cao
					Nghiên cứu tình huống
6	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, 2019	Kinh tế/Quản lý kinh tế	Kinh tế vi mô nâng cao
					Marketing địa phương
7	Huỳnh Thế Nguyễn	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế học	Kinh tế vĩ mô nâng cao
					Kinh tế số và quản lý kinh tế số
8	Ngô Sĩ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	Quản lý liên kết và phát triển vùng, địa phương
					Mô hình kinh tế mới
9	Nguyễn Tấn Hưng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	Triết học
10	Lại Văn Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Triết học	Triết học
11	Trần Đình Phụng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Toán	Phương pháp nghiên cứu khoa học
12	Nguyễn Tuấn Duy	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Toán giải tích	Phương pháp nghiên cứu khoa học
					Kinh tế số và quản lý kinh tế số
13	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản trị kinh doanh	Kinh tế vĩ mô nâng cao
					Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
14	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	Kinh tế đầu tư nâng cao
15	Bùi Thị Thu Thảo		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kinh tế/Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế học khu vực công
					Kinh tế nguồn nhân lực

TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
16	Nguyễn Thế Khang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công Phát triển bền vững nâng cao
17	Bảo Trung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	Marketing địa phương
18	Trương Thành Công		Tiến sĩ, Czech, 2021	Khoa học máy tính, Công nghệ truyền thông và Toán ứng dụng	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao
19	Phạm Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý kinh tế	Kinh tế nguồn nhân lực Nghiên cứu tình huống
20	Nguyễn Quang Minh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế TCNH	Tài chính công nâng cao
21	Ngô Thị Hồng Giang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	Kinh tế phát triển nâng cao
22	Nguyễn Đức Hải		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Tài chính - Ngân hàng	Kinh tế học khu vực công Quản lý liên kết và phát triển vùng, địa phương
23	Nguyễn Minh Ngọc	PGS, 2020	Tiến sĩ, 2012	Kinh tế	Pháp luật kinh tế Nghiên cứu tình huống
24	Nguyễn Thanh Nhã		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công nâng cao Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công
25	Tô Đông Hà		Tiến sĩ, Việt Nam 2023	Luật kinh tế	Pháp luật kinh tế

4. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn hướng dẫn Luận văn tốt nghiệp

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành học	Ghi chú
1	Trần Văn Hùng	PGS, 2022	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế	
2	Đoàn Ngọc Phúc	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế	

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành học	Ghi chú
3	Phạm Ngọc Dưỡng	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế	
4	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế học	
5	Cao Tấn Huy		Tiến sĩ, Việt Nam 2020	Kinh tế học	
6	Huỳnh Thế Nguyễn	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế học	
7	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế/Quản lý kinh tế	
8	Ngô Sỹ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	
9	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, Phillipines, 2018	Quản trị kinh doanh	
10	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	
11	Nguyễn Thế Khang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế	
12	Bảo Trung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	
13	Trương Thành Công		Tiến sĩ, Czech, 2021	Khoa học máy tính, Công nghệ truyền thông và Toán ứng dụng	
14	Phạm Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý kinh tế	
15	Ngô Thị Hồng Giang		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản lý kinh tế	
16	Nguyễn Minh Ngọc	PGS, 2020	Tiến sĩ, 2012	Kinh tế	

5. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	Nguyễn Nữ Thánh Tâm	Thư ký Khoa	Viện Kinh tế chính trị quốc tế	
2	Trần Văn Tuấn	Chuyên viên	Viện Đào tạo Sau đại học	
3	Đỗ Minh Hương	Chuyên viên	Viện Đào tạo Sau đại học	
4	Huỳnh Thị Mỹ Diệu	Chuyên viên	Viện Đào tạo Sau đại học	
5	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	Chuyên viên	Viện Đào tạo Sau đại học	

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)

E. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

TLGD, SM	PLOs						
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
Triết lý giáo dục: Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Marketing trong giai đoạn tới là: “Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập”.	X	X	X	X	X	X	X
Sứ mạng của Trường: Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.	X	X	X	X	X	X	X

Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

[illegible]

TLGD, SM	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.										

Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Kinh tế học với chương trình đào tạo của các trường khác

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	
	Học phần	TC		Học phần	TC
I.	Kiến thức chung	7			
1	Triết học	4		Triết học	4
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		Phương pháp nghiên cứu	2
II.	Kiến thức ngành và chuyên ngành	45			
2.1	Kiến thức bắt buộc	30			
3	Kinh tế vi mô nâng cao	3		Kinh tế vi mô nâng cao	3
4	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3		Kinh tế vĩ mô nâng cao	3
5	Kinh tế học khu vực công	3		Kinh tế công cộng nâng cao	3
6	Pháp luật kinh tế	3		Pháp luật kinh tế	3
7	Kinh tế nguồn nhân lực	3		Kinh tế học tổ chức	3
8	Kinh tế phát triển nâng cao	3		Kinh tế phát triển nâng cao	
9	Marketing địa phương	3		Thương mại quốc tế nâng cao	3
10	Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh nâng cao	3		Kinh tế lượng ứng dụng	3
11	Phân tích, dự báo và giám sát kinh tế	3		Phân tích chính sách kinh tế Dự báo kinh tế	2
12	Nghiên cứu tình huống	3		Chuyên đề nghiên cứu 1,2	12
2.2	Chọn 1 trong 2 định hướng sau (12 tín chỉ 4HP)	12			
2.2.1	Định hướng: Kinh tế đầu tư	12			
13	Kinh tế đầu tư nâng cao	3		Kinh tế đầu tư	3
14	Kinh tế quốc tế nâng cao	3			3
15	Tài chính công nâng cao	3		Quản lý đầu tư	3
16	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công	3			3
2.2.2	Định hướng Kinh tế phát triển	12			
17	Phát triển bền vững nâng cao	3			
18	Kinh tế số và quản lý kinh tế số	3			
19	Quản lý liên kết và phát triển vùng, địa phương	3			3

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing		STT	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	
	Học phần	TC		Học phần	TC
20	Mô hình kinh tế mới	3		Tăng trưởng kinh tế	
III.	Tốt nghiệp	12			
21	Luận văn tốt nghiệp	12		Luận văn tốt nghiệp	12
	Tổng cộng	61			61